

SỐ 1814

## BÀI TỰA SỞ TRÙNG KHẮC GIỚI BẢN BỒ TÁT

Bồ-tát giới Bản trong kinh Phạm võng là khuôn phép lớn làm hưng thịnh pháp xuất thế trong ba đời, là yếu môn nhập đạo của bảy chúng, vì thế dường như có hơn mười nhà chú sở, nay hiện còn chỉ có pháp Tạng, Thiên Thai, Minh Khoáng, Thái Hiền mà thôi, ngoài ra đều thành phế điển, thật là đáng tiếc. Bốn nhà biên chép là Lan, Cúc, Thiện, Mỹ, tức là giới tử thế tục theo phụ giúp người Thái Hiền. Nhưng trong sở kia thường dẫn hai sở chứng nghĩa giải văn của Sư Pháp Tạng và Nghĩa Tịch, các học Sĩ xem khắp không một, người đến xem rất ít, chỉ đáng tiếc một điều là sở của Pháp Tạng tuy còn nhưng sở của Nghĩa Tịch đã mất. Tôi có lần đến kinh tạng Thiên Lâm ở Lạc Đông, tình cờ chiêm bái được bìa sách còn sót lại. Vì lưu lại ở đời quá lâu nên bị một đục không ít, số truyện chép ra cũng bị tróc rất nhiều, dò xét toàn bản ở gần xa, người không dám trả lời, khen ngợi lúc tinh sương ở đây. Phía bắc thành có Pháp sư Hoằng Nguyên, từ lâu đã bí mật truyền sở làm gia bảo, cùng lúc được đọc bản sở một ăn của tôi, do đó mà bổ sung vào chỗ văn bị mất, đến nay ngài Tăng Triệu tìm được toàn bản. Hôm khác Họ Kỳ Quyết bỏ quyển sở bị một đục kia vào trong tay áo, đến nói rằng: “Tôi mong được bổ khuyết, tôi khắc chữ thọ lên đó, vui mừng bèn tu bổ thêm vào. Luật Sư Mật Nghiêm Biện tìm tôi và truyền rộng ra để giáo huấn, tham đính các bản để cho họ Kỳ Quyết soạn xong, xin viết lời tựa. Tôi ngoài việc tùy hỷ quên cân nhắc sự thô kệch, liền ghi đầu đuôi đặt ở đầu quyển sở, ngõ hầu được lưu thông không bị tắc nghẽn, xa nữa là truyền đến hội Long Hoa...”

Ngày Bồ-tát mùa hạ, năm giáp tý, niên hiệu Trinh Hưởng năm đầu, đệ tử giới Bồ-tát, Sa-môn Đồng Không Khâm Thức ở am Tri Túc thuộc Song Khâu.

## SỐ BỒ-TÁT GIỚI BẢN

*Sa-môn, Nghĩa Tịch người Tân-la soạn*

### QUYỂN THƯỢNG

Gốc của giới đức là từ Đạo sinh ra. Cho nên hưng khởi hạt giống giác ngộ nối tiếp làm hưng thịnh chánh pháp, cắt đứt sông dài lên bờ giác ngộ, cứu giúp hàm thức, đều do đây. Nên Đức Như lai đầu tiên ở dưới Cội Đạo thọ đặt ra giới Bồ-tát, thật chính là nền tảng vắng lặng phiền lụy, giải thoát trói buộc, gốc tu nhân chứng quả, hoàn toàn gọi là ngăn chặn, không có điều ác nào không được ngăn dứt, lại gọi là hiếu thuận, không có điều lành nào không được tu tập. Đề Cương thì mười chi vô tận, tổng mục thì sáu tám không bỏ sót, chiếu sáng đạo giác ví như vầng nhật nguyệt, trang nghiêm pháp thân ví như anh lạc, công đức xây dựng khó tỏ bày. Nhưng văn nghĩa trong giới kinh này sâu kín nên giải thích rất khó. Khoa trước, nêu giản lược ý nghĩa quay về. Giới pháp thì vô lượng, chỉ cần thọ tùy, thọ thì nghiệp trước sau giải thoát, đưa pháp vào thân, tùy thì giữ tâm, mới hiển bày phòng hộ. Phân biệt thọ có hai, trước là nói lên thuận duyên được thọ, sau cùng là rõ trái duyên mất thọ. Phân biệt đắc có bốn: Một là chọn đệ tử pháp khí, hai là chọn thầy có đức, ba là thọ nhận phép tắc, bốn là hỏi đáp dứt nghi. Trước là chọn đệ tử pháp khí, phải đủ hai duyên mới có khả năng làm pháp khí thọ giới, một là có điều thiện cảm giới, hai là không có điều ác chướng giới. Điều thiện cảm giới có hai loại, một là chủng tánh Bồ-tát, hai là phát nguyện Bồ-đề. Bồ-tát Địa chép rằng: Trụ Vô chủng tánh, Bồ-đặc-già-la vô chủng tánh, nên tuy có phát tâm và hành gia hạnh, nhưng quyết định không có khả năng được viên mãn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu không phát tâm, không tu gia hạnh, thì dù có kham nhiệm cũng không mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Trái với điều này, nên biết là mau chứng. Do đó đủ cả hai mới được cảm giới. Vì vậy, trong phần thọ pháp, hỏi kia về hai duyên, có thuyết đủ ba mới được cảm giới. Một có chủng tánh cao quý, hai có nguyện cao quý, ba là có hạnh tâm cao quý. Hai cao quý đầu như ở trước, hạnh cao quý thứ ba lược có mười loại:

Một đối với vô thượng Bồ-đề sẽ sinh tâm sâu xa, hai là suốt đời lia ác tri thức, gần gũi thiện tri thức, ba là suốt đời hối lỗi, tùy hỷ khuyến thỉnh hồi, hướng về tăng trưởng Phật đạo, bốn là suốt đời tùy khả năng mình cúng dường Tam bảo, năm là suốt đời đọc tụng, viết chép Kinh Phương Đẳng, giải thích cho người nghe hiểu, sáu là đối với người cô độc cùng khổ, hoặc phạm tội đối với vua, tùy theo khả năng cứu hộ cho đến sinh một niệm bi tâm, bảy là suốt đời xả bỏ lưỡi biếng, phát khởi tinh tấn siêng cầu Phật đạo, tám là khi sinh phiền não ở trong năm trần có thể tìm cách chế phục, chín là nếu đối với Vô thượng Bồ-đề sinh tâm nhàm chán lui sụt, đối với tiểu pháp sinh tham đắm tìm trừ diệt, mười là xả bỏ được tất cả sở hữu không tiếc thân mạng. Ba điều này là ba trì của Bồ-tát Thắng tánh là kham nhiệm trì, thắng nguyện là hành gia hạnh trì, thắng hạnh là đại Bồ-đề trì. Văn dẫn ở trước đã chứng minh điều này. Nên đủ ba điều này mới được cảm giới. Khi sắp thọ, nghĩa là phải có vấn hỏi trong đại bản, không hỏi điều thứ ba, mà đối với pháp khác có hỏi điều thứ ba. Thắng chủng tánh là có bản tánh do Bồ-tát huân tập thành, hai chủng tánh nói rộng như trong luận. Tâm Bồ-đề là đối với quả vô thượng khởi tâm quyết định chứng đắc, đối với tất cả hữu tình khởi nguyện chắc chắn cứu giúp. Phát ý vững bền trong hai việc này không có duyên khác làm cho chuyển đổi. Lại nữa, xem xét kỹ bản thân chứa đựng tánh đồng với Phật, nhưng vì thiếu nhân duyên trong ngoài, thân từ vô thủy sinh tử đến nay, không hề có lúc nào thời phát chí nguyện cao quý, tùy duyên trôi lăn, không có ngày ra khỏi. Nay nếu một niệm phát tâm mạnh mẽ thì ba-a-tăng-kỳ tuy lâu nhưng chắc chắn có ngày. Bi trước hỷ sau, mồ hôi đầm đìa, không đoái hoài thân mạng là thế quyết định, sinh tử vô biên, tôi chắc chắn dứt trừ, chúng sinh vô số tôi quyết cứu giúp, nguyện hạnh vô lượng tôi quyết tu, quả Phật vô tận tôi quyết chứng, như thế gọi là tướng phát tâm. Ác chướng giới là không, ra khỏi ba chướng: một là phiền não chướng, hai là nghiệp chướng, ba là báo chướng phiền não chướng.

Bồ-tát Địa chép rằng: Thế nào là chủng tánh Bồ-tát tự pháp trái với bốn tùy phiền não? nghĩa là buông lung vì quen huân tập các phiền não. Tánh trở thành phiền não mạnh mẽ lâu dài, đó gọi là bậc nhất.

Người ngu si, người không khéo léo nương vào bạn ác, đó gọi là thứ hai. Lại bị tôn trưởng, phu chủ, vua quan, giặc và oán địch.v.v... giam giữ, trói buộc, không được tự tại, tâm người ấy mê loạn, đó gọi là thứ ba.

Lại người bầm sinh đã thiếu thốn nhưng quyến luyến thân mạng,

đó gọi là thứ tư. Luận đã nói đây là tự pháp chương lý, cũng sẽ chương điều lành thọ giới. Nhưng trong thọ pháp không có người hỏi riêng vì không quyết định. Chẳng phải bảy già nạn thì chắc chắn không đắc giới. Nghiệp chương có hai loại: Một là bảy tội nghịch, hai là mười trọng. Bảy tội nghịch: Một là làm thân Phật ra máu, hai là giết cha, ba là giết mẹ, bốn là giết Hòa-thượng, năm là giết A-xà-lê, sáu là phá Yết-ma chuyển pháp luân Tăng, bảy là giết bậc Thánh. Bảy điều này tương riêng đến văn sẽ nêu rõ. Văn chép rằng: Nếu đủ bảy già nạn thì sẽ không đắc giới, ngoài ra tất cả đều được thọ giới. Có văn chép rằng: Bảy tội nghịch không sám hối thì không được thọ giới, nếu sám hối thì được thọ giới. Nên Kinh Tập Pháp Duyệt chép rằng: Già-tha-Đà phạm năm tội nghịch bị vua kết tội, lúc ấy sợ hãi liền xuất gia làm sát na-môn, ngồi học đạo, tu hành mười điều lành ở nước khác, đêm ngày rơi lệ khóc than trải qua ba mươi năm, vì cấu chương năm tội nghịch nên tâm không được định, ở trong hang núi thường cất tiếng khóc: Khổ thay! Khổ thay! Phải dùng tâm gì trừ khổ này. Một hôm, ông muốn đi khát thực, buồn than xuống núi đến một ngôi làng nọ, lúc bấy giờ giữa đường gặp một cái bát lớn, thấy trong bát có tập pháp duyệt đà-la-ni xả khổ, được kinh này rồi thì không đi khát thực nữa, vui mừng trở về hang, thấp hương lễ bái vừa khóc vừa vui mừng kính mến, tu tập đọc tụng kinh ấy trong hang suốt một năm mới được diệt tội. Vì nghiệp chương, nên không thể được nhập tâm, lúc ấy liền tắm gội sạch sẽ tu hành trong bảy ngày, như đứa trẻ mới học cẩn thận không dám có sơ suất nhỏ, thực hành bảy ngày như thế, cẩn thận không khác, trong lòng buồn bã không biết ý thế nào, nên nghĩ tựa sách đà-la-ni này trải qua mấy lần chuyển tâm chợt được định. Lúc bấy giờ, tự vui mừng như người được trăm ngàn cân vàng mà mọi người không biết, trong lòng vui mừng không dứt, tu hành mấy năm bay đi vô ngại, nhìn thấy Chư Phật trong các thế giới ở mười phương. Nên biết tội nghịch sám hối cũng được dứt trừ. Tuy có thuyết này chưa phải là thật chứng, kinh này chỉ nói năng lực của kinh được diệt tội nhưng không nói được thọ giới Bồ-tát, nên phải càng nói rõ ngọn nguồn.

Về mười trọng thì có thuyết chép rằng: Trọng mười thì bốn phần trước đã là tánh tội, căn bản sự đồng với bảy tội nghịch, hiện thân có sám hối hay không sám hối thấy đều là chương. Sáu trọng là khác, nếu sám hối thì không có chương, không sám hối thì chương. Nhưng văn kinh phạm mười trọng thì sám hối thấy được tương tốt liền được thọ giới, nếu không như vậy thì không được. Đây là ngữ ý chung ở sáu giới trọng sau. Có thuyết chép rằng: Bốn nghiệp trọng ở trước phải sám hối

thấy tướng tốt liền được thọ giới, không thấy tướng tốt thì không được thọ giới. Sáu nghiệp nhẹ ở sau tuy không sám hối cũng được thọ. Mười giới trọng phải sám hối, đây là ngữ ý chung ở bốn nghiệp trước. Có văn chép rằng: Hiện phạm mười giới trọng không sám hối đều là chướng, nếu sám hối đều được thọ, văn không chọn riêng, cần gì tìm kiếm, thuyết cũ như vậy lại có ý riêng, đến văn sẽ rõ. Báo chướng là trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh không hiểu lời nói, vì trọng khổ nên không hiểu nhau, lý không được thọ. Lại trong cõi người ở bắc châu, ngoài loại bầm tánh ngang bướng ngu si không hiểu nhân quả, ý chí yếu hèn không có tâm cương quyết. Các loài như thế cũng bị thọ chướng, nhưng hỏi trong già nạn không nêu riêng. Các tướng như địa ngục.v.v.... hiển bày bằng nhau không xen lạ, không cần hỏi, những loài ngu si thì hỏi phân biệt trong nguyện. Lại dựa vào kinh Bản Nghiệp, thì sáu đường đều được thọ, nên kinh ấy chép rằng: chúng sinh sáu đường thọ được giới, chỉ cần hiểu được lời nói thì đắc giới không mất, nên biết địa ngục có nhẹ có nặng, nặng thì không được thọ, nhẹ thì được thọ. Trong ba cõi thì cõi, sắc mất lời nói, cõi vô sắc thì rõ ràng không nói, một cũng không ngăn được. Lại theo Bồ-tát tại gia thọ giới cận sự, lại còn có già nạn, nên phải hỏi đáp. Pháp thọ chép rằng: Lúc ấy, Tỳ-kheo phải nói như vậy: Cha mẹ, vợ con, tôi tớ chủ nước của ông có cho phép không? Nếu nói rằng cho phép, lại phải hỏi rằng: Ông không hề lấy vật của Phật, Pháp, Tăng và vật khác phải chăng? Nếu nói không thì lại phải hỏi rằng: Nay trong thân ông không có bệnh trong ngoài thân tâm phải chăng? Nếu nói không thì lại hỏi rằng: Ông không làm việc phi pháp với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phải chăng? Những việc như thế cũng là chướng giới nên phải hỏi để phân biệt. Đức của Thầy là phải đủ bốn đức mới xứng đáng làm Thầy truyền giới Bồ-tát. Một là đồng pháp Bồ-tát lựa chọn khác với nhị thừa, hai là đã phát nguyện lớn, phân biệt với chưa phát tâm, ba là có trí có lực, nghĩa là đối với văn nghĩa có thể hiểu, có thể thọ trì, bốn là trong lời nói nêu nghĩa có thể truyền trao, có thể khai mở, nghĩa là ngôn ngữ tranh luận nói pháp truyền trao cho, khai tâm người khiến cho họ hiểu. Lại Pháp Sư La-thập nói rằng: Có đủ năm đức mới nên làm thầy: Một là giữ vững tịnh giới, hai là đủ mười tuổi hạ, ba là khéo hiểu tạng luật, bốn là khéo thông thiền tư, năm là tận cùng chỗ sâu xa của kho trí tuệ.

Lại Bồ-tát Địa chép rằng: Các Bồ-tát không cầu thọ giới Bồ-tát với tất cả người lìa trí tuệ. Người không có tịnh tín thì không nên cho thọ, nghĩa là đối với tịnh giới sở thọ như thế, ban đầu không tin hiểu thì

không thể hưởng về chỗ bất thiện mà tư duy, có người san tham là san tham đối trá, có người đại dục, người không thích cố gắng, không nên theo thọ. Người hủy tịnh giới, các học xứ không cung kính, đối với luật lai chậm chạp thì không nên theo thọ. Có người phần hận, phần nhiều không nhẫn nhục, đối với sự trái phạm của người khác không chịu đựng được thì không nên theo thọ. Có người lười biếng, có người uể oải, phần nhiều mê mải ưa thích ngồi nằm đêm ngày ngủ nghỉ, ưa hợp bạn bè vui chơi cười nói thì không nên thọ với họ. Người tâm tán loạn, dưng cho đến người không thể làm ra sữa bò, khoảnh thiện tâm trụ một duyên tu tập thì không nên theo thọ. Có người mờ ám, người ngu si, người có tâm rất xấu xa, phỉ báng Tô-Đát-lãm tạng của Bồ-tát và Ma-Đát-Lý-Ca của Bồ-tát tạng thì không nên theo thọ. Ý văn này là xa lìa không tin và sáu tệ chướng. Người đầy đủ tịnh tín và sáu độ mới xứng đáng làm thầy. Như vậy thì người thọ và người truyền giới Bồ-tát, có pháp khí làm trò không dễ, có đức làm thầy rất khó. Nếu năng sở hợp nhau, thọ và trao cả hai đều đúng như pháp thì nối thành hạt giống giác ngộ, nâng đỡ cội đạo thọ, sẽ được có ngày hẹn. Phép tắc thọ giới lược có sáu môn. Một là hiển đức khuyến thọ, hai là đối duyên hơn kém, ba là bảy chúng chung riêng, bốn là lớn nhỏ trước sau, năm là minh chánh thọ pháp, sáu là hiệu lượng hiển thắng. Về hiển đức khuyến thọ, văn chép rằng: Chúng sinh thọ giới của Phật liền bước vào ngôi vị Chư Phật, đồng với bậc Đại giác, đã thật là đệ tử của Chư Phật. Kinh Bản Nghiệp chép rằng: Vào biển Tam bảo lấy niềm tin làm gốc, ở trong nhà Phật lấy giới làm đầu. Mới thực hành giới Bồ-tát, hoặc nam hoặc nữ lúc người phát tâm xuất gia kế thừa ngôi vị Bồ-tát trước phải thọ giới chánh pháp, giới là nền tảng của tất cả hạnh công đức tạng. Đang nói tất cả bản hạnh của quả Phật, là giới có công năng dứt trừ tất cả đại ác, bảy kiến chấp, sáu trói buộc, gương sáng chánh pháp. Lại nói rằng: Phật tử thọ mười giới vô tận rồi thì vượt qua bốn ma và khổ trong ba cõi, từ kiếp này đến kiếp khác đều không mất giới này, giới này thường theo người tu hành cho đến thành Phật. Nếu tất cả chúng sinh ở quá khứ, hiện tại, vị lai không thọ giới Bồ-tát này thì không gọi là người có tình thức, không khác gì súc sinh, không gọi là người, thường xa lìa biển tam bảo, chẳng phải là Bồ-tát, chẳng phải là nam nữ, cũng chẳng phải là quý hay là người, gọi là súc sinh, gọi là tà kiến, ngoại đạo, không gần tình người. Nên biết giới Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp xả, có phạm mà không mất, tận mé vị lai. Lại Pháp sư ở trong tất cả cõi nước, giáo hóa được một người xuất gia thọ giới Bồ-tát thì Pháp sư này được phước lớn hơn xây

dựng bốn mươi tám ngàn ngôi tháp, hướng chi còn giáo hóa hai người, ba người, cho đến trăm ngàn người thì quả phước không thể cân lường. Vì sự ấy, chồng vợ sáu thân thay nhau làm thầy truyền giới, người thọ giới thì vào trong số Bồ-tát của các cõi chư Phật, vượt qua ba kiếp khổ sinh tử, cho nên phải thọ. Người có giới mà phạm còn hơn người không có giới mà không phạm, có phạm gọi là Bồ-tát, không phạm gọi là ngoại đạo. Đối duyên hơn kém thì kinh chép rằng: Thọ giới có ba loại: Một là Chư Phật, Bồ-tát hiện ở trước thọ đắc giới thượng phẩm chân thật, hai là sau khi Chư Phật, Bồ-tát diệt độ, trong ngàn dặm có người thọ giới, trước, thỉnh Bồ-tát làm Pháp sư dạy truyền cho ta, ta trước lễ dưới chân, phải nói như vậy: Thỉnh đại Tôn giả làm Thầy truyền giới cho con, đệ tử ấy đắc giới chánh pháp là giới trung phẩm; ba là sau khi diệt Phật diệt độ, trong ngàn dặm chỗ không có Pháp sư phải ở trước hình tượng Chư Phật Bồ-tát quỳ thẳng chấp tay thệ thọ giới, nên nói như vậy: Kính bạch Phật và đại địa Bồ-tát ở mười phương... con học tất cả giới Bồ-tát, là giới hạ phẩm (lần thứ hai thứ ba cũng nói như thế). Phật tử này là ba thứ thọ giới mà Phật quá khứ đã nói, Phật vị lai sẽ nói, Phật hiện tại nay đang nói, các Bồ-tát quá khứ đã học, các Bồ-tát vị lai sẽ học, các Bồ-tát hiện tại đang học là giới chánh pháp của Chư Phật. Nếu tất cả Phật, Bồ-tát không vào môn giới pháp này, mà đắc đạo quả vô thượng bình đẳng như hư không thì không có việc ấy. Bảy chúng chung riêng là trong ba thứ giới: giới nhiếp thiện pháp, giới nhiếp chúng sinh tương đạo tục phần nhiều giống nhau; giới nhiếp luật nghi: nghi thức của bảy chúng mỗi chúng đều khác. Nay sẽ phân biệt sự chung riêng của luật nghi: Quy tắc thọ giới luật nghi có hai: Một là cho hai phần khác thọ chung, hai là cho hai phần khác thọ riêng. Phép tắc thọ chung của bảy chúng không khác, vì chung cho ba giới mà thọ chung, nên một lần Yết-ma mà chung cho cả bảy chúng kia, cho đến tùy tướng đã trì mỗi tướng đều khác nhau, cách thọ của Địa Trì chính là ở đây. Nếu thọ riêng thì pháp của bảy chúng có khác. Nếu hai chúng tại gia, thọ năm giới cho đến tùy tướng. Lại nói sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh, đủ như kinh Thiện Sinh Ưu-Bà-Tắc. Trong đạo, đầy đủ hai chúng thọ pháp, theo bạch Yết-mà từ mười chúng.v.v... Kinh Niết-Bàn chép: Thọ thế giáo mới thì bạch bốn lần Yết-ma rồi sau đó mới đắc, chính là ba chúng dưới đây, mỗi chúng đều y theo pháp của mình giống như Thanh văn. Đại tiểu trước sau, trong đó có hai: Một là trước tiểu sau Đại, hai là trước Đại sau tiểu. Nếu trước thọ giới Tiểu thừa, sau thọ giới Đại thừa, giới Tiểu thừa trước là bỏ hay còn, lại giới không giết hại.v.v...

Giống với Thanh văn, đổi mới lại được là ngay giới trước. Một là: Nếu khi hồi tâm, tiểu chuyển thành đại, nên giới Tiểu thừa trước không xả mà còn, nhưng chẳng thể gọi là giới Tiểu thừa. Vì hồi tâm nên chung giới của Thanh văn lại không thêm mới. Nếu lúc không thọ giới chung thì lúc thọ mới được. Hai là khi hồi tâm mới thọ, tuy không xả giới trước nhưng do tâm cầu mong có khác, lại thêm lìa giới sát.v.v... Như khi thọ giới cụ túc lại được lìa giới sát.v.v... Trước đại sau tiểu là nếu bỏ Đại theo Tiểu thì mất giới Đại thừa. Nếu không bỏ giới Đại thừa mà thuận theo học giới Tiểu thừa, thì không mất giới Đại thừa ở trước, tuy thọ giới Thanh văn cũng không gọi là người Tiểu thừa. Phương pháp chánh thọ thì theo Bồ-tát Địa gồm có tám: Một là thỉnh Sư. Văn chép rằng: Nếu các Bồ-tát muốn học ở chỗ Bồ-tát ấy thì phải tu học ba thứ giới tạng, hoặc là tại gia, hoặc là xuất gia, trước phải phát nguyện rộng lớn đối với vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sau đó phải tìm hỏi Bồ-tát đồng pháp đã phát đại nguyện, có trí có lực, đối với lời nói hiểu ý nghĩa để truyền, để khai, ở chỗ Bồ-tát đầy đủ công đức cao quý như thế, trước nên lễ dưới chân, thỉnh như vậy: Nay con muốn thọ tịnh giới Bồ-tát với người thiện nam, hoặc với trưởng lão, hoặc Đại đức, nguyện xin trong giây lát không từ một nhọc thương xót cho con được thọ; hai là cầu lực. Văn chép: Đã là như vậy không thỉnh ngược lại, đã vén ý bày vai phải, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn ba đời mười phương, các chúng Bồ-tát đã nhập vào đại địa được trí tuệ lớn, được thần thông lớn, hiện tiền chuyên niệm các công đức ấy; ba là khát giới. Văn chép rằng: Tùy theo chỗ có công năng nhân lực, sinh giới tâm thanh tịnh lớn, tâm tịnh nhỏ, ở chỗ Bồ-tát cao quý có trí có lực, nhún mình cung kính, gối quỳ sát đất, hoặc quỳ thẳng đối trước tượng Phật, thỉnh như vậy: Nguyện xin Đại đức, hoặc Trưởng lão, hoặc người thiện nam, thương xót truyền tịnh giới Bồ-tát cho con; Bốn là nuôi lớn tâm thanh tịnh. Văn chép rằng: Thỉnh như thế rồi, chuyên niệm một cảnh nuôi lớn tịnh tâm. Nay tôi không bao lâu sẽ được kho công đức vô tận vô lượng vô thượng, liền theo suy nghĩ việc ấy rồi đứng im lặng; năm là hỏi duyên: bấy giờ, Bồ-tát có trí có lực ở chỗ kia sẽ thực hành chánh hạnh Bồ-tát. Để không loạn tâm, hoặc ngồi, hoặc đứng mà nói như vậy: Ông cho phép gọi người thiện nam như thế hoặc là cho phép gọi pháp đệ thích. Ông có phải là Bồ-tát chăng? Kia nên đáp “phải”. Phát nguyện Bồ-đề chưa? Nên đáp là đã phát; Sáu là chánh thọ, từ đây về sau phải nói như vậy: Ông gọi là người thiện nam giới pháp đệ như thế, muốn thọ tất cả học xứ và thọ tất cả tịnh giới của các Bồ-tát ở chỗ ta, nghĩa là giới nhiếp luật nghi, giới nhiếp thiện pháp



và giới nhiều ích hữu tình. Học xứ và tịnh giới này tất cả Bồ-tát thời quá khứ đã có, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ có và rộng đến tất cả Bồ-tát hiện tại ở mười phương đang có. Học xứ và tịnh giới như thế tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ-tát hiện tại đang học ông có khả năng lãnh thọ hay không? Đáp rằng khả năng lãnh thọ. Người trao giới Bồ-tát lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như thế, người thọ giới Bồ-tát thứ hai thứ ba cũng trả lời như thế. Người có khả năng truyền giới Bồ-tát hỏi như thế đến lần thứ ba trao tịnh giới xong, người có khả năng thọ giới Bồ-tát đáp như thế, cho đến thọ tịnh giới lần thứ ba xong; Bảy là tác bạch thỉnh chứng minh rộng như văn kia; Tám là làm lễ lui ra. Văn chép rằng: Đã làm việc Yết-ma thọ giới Bồ-tát.v.v... Như thế xong, người truyền giới và thọ giới đều khởi thân cúng dường Chư Phật, Bồ-tát ở cùng khắp vô biên thế giới trong mười phương, đánh lễ dưới chân, cung kính lui ra. Phép tắc truyền giới của các sư chẳng phải một, còn dựa vào Địa trì, lược kể như thế, các thuyết khác nhau nên tìm các bản gốc. Hiệu lượng hiển thắng là Bồ-tát đã thọ giới luật nghi như thế, đối với tất cả chỗ thọ luật nghi giới khác rất cao quý vô lượng, là chỗ của vô lượng vô biên đại công đức tạng đi theo, là chỗ phát khởi ý vui trong tâm vô thượng Bồ-đề bậc nhất, có công năng đối trị tất cả hữu tình, tất cả hạt giống ác hạnh, tất cả luật nghi biệt giải thoát, đối với giới luật nghi Bồ-tát này trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, tính đếm ví dụ Ô Ba Ni Sát Đàm phần cũng không bằng một, nhiếp thọ tất cả công đức lớn. Hỏi đáp dứt nghi là hỏi: Thanh văn thọ pháp, không hỏi chủng tánh và nguyện, vì sao ở đây lại hỏi hai việc này? Đáp: Giới biệt giải thoát, ba thừa đều thọ chung, pháp thọ hoàn toàn tùy nguyện mà chung thành, do đó không còn hỏi lệch về một họ, cũng không nên hỏi chung có ba họ không? Chưa chắc biết rõ theo một họ, nên hoàn toàn không hỏi dòng họ, hỏi nguyện cũng bỏ, nhưng làm cho không có già nạn, chung cho cả ba thừa ví được theo sau, tu hành đều thành đạo quả.

Hỏi: Ba chương đều chương giới, vì sao lại cứ hỏi lệch về nghiệp?

Đáp: hễ văn hỏi thì chắc chắn có hai nghĩa: Một quyết định là chương, hai là trong tướng có sự lộn xộn, trong nghiệp bảy tội nghịch có hai nghĩa mới, chắc chắn là chương vì lỗi ấy quá nặng, hai là tướng có lộn xộn vì không nêu riêng. Bốn là tùy phiền não không nhất định là chương, địa ngục... không lộn xộn vì tướng riêng để biết, cảm quả báo không cần hỏi. Hỏi: có bốn, năm đức mới kham làm Thầy, vì sao Kinh

cho phép vợ chồng làm thầy lẫn nhau?

Đáp: Thọ giới tại gia thì có thể như kinh, năm chúng xuất gia phải đủ các đức. Hỏi: Có người nói phải thọ giới Thanh văn trước, sau đó mới thọ giới Bồ-tát, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Chưa hẳn như vậy, đâu có việc Bồ-tát khởi tâm Tiểu thừa trước rồi sau mới vào Đại thừa. Nhưng kinh nói rằng: Nếu nói không thọ giới Ưu-bà-tắc, Sa-di, Tỳ-kheo thì đắc giới Bồ-tát không có chỗ ấy, ví như không có tầng lầu thứ nhất mà được tầng lầu thứ hai, thì không có việc ấy, phải y chỉ theo luật nghi mới được tầng sau, nên nói như thế. Từ câu hỏi đáp khác không còn rõ ràng, trái duyên thì mất thọ. Bồ-tát Địa chép rằng: Lược từ hai duyên, xả các tịnh giới luật nghi của Bồ-tát; một là xả bỏ đại nguyện Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề; hai là pháp hiện hành, thượng phẩm triền phạm tha thắng xứ. Quyết Trạch Phần chép rằng: Lại bỏ nhân duyên lược có bốn loại, một là quyết định phát khởi tâm thọ, tâm không đồng phân; hai là ở trước bậc đại Trưởng Phu có tri thức nên có ý phát khởi xả bỏ ngôn ngữ; ba là bốn thứ thắng pháp khác và chung riêng, hủy, phạm; bốn là nếu tăng thêm triền thượng phẩm, chung riêng hủy phạm thuận theo pháp Sở thắng khác. Do nhân duyên này nên biết xả bỏ luật nghi của Bồ-tát. Nếu có được tâm thọ thanh tịnh phải thọ lại. Hỏi: Bỏ duyên hai bốn được thâm nhiếp lẫn nhau hay không? Đáp: Một là được nhiếp lẫn nhau, được coi là có khai hợp vì thể không khác. Trong bốn thì phần đầu trong hai phần trước, hai phần sau ở phần thứ hai, cho nên hai bốn được nhiếp lẫn nhau. Có văn chép rằng: Không đúng, tâm không đồng phân có thể được nhiếp duyên ban đầu. Nói bỏ vì sao lại thu nhiếp duyên đầu. Khi đối với người xả bỏ chưa chắc lui sụt nguyện, nghĩa là có các giới Tỳ-kheo thọ trước lại gặp nhân duyên thì xả, lúc làm cần sách, tuy không xả bỏ đại nguyện Bồ-tát nhưng được xả bỏ chỗ thọ ở trước, nếu không như vậy thì khi đã xả nguyện rồi thì được xả giới, đâu cần đối với người nói lời xả bỏ. Nếu khi lui sụt nguyện liền nói xả bỏ, thì không cần chia riêng thành hai duyên. Lại thứ tư trong bốn phải thuộc về hai sau, vì cùng nói triền tăng thượng hủy phạm tha thắng. Thứ ba trong bốn không được tăng thượng, vì sao được thuộc về duyên sau trong hai. Lại thế nào là tha thắng? thế nào là thuận tha thắng mà nói thứ hai thuộc về hai sau? Nếu nói thứ ba phạm tha thắng thì bản địa nói bốn loại tha thắng. Hủy phạm thứ tư thuận theo tha thắng tức là sáu giới trọng trước trong mười giới trọng. Trong Bản Địa chép rằng: Bốn thứ tha thắng, phải thượng triền phạm mới được xả giới. Vì sao duyên thứ ba chỉ nói phạm chung riêng, nên biết ba trong

bốn chẳng thuộc về hai duyên. Nếu như vậy làm sao gọi là đúng, nghĩa là chẳng phạm bốn giới trọng trước như sát, v.v..... không cần phải thượng triền tùy phạm đều xả. Nếu khi phạm bốn giới sau, hoặc sáu giới sau thì phải khởi thượng triền mới được xả giới. Bốn giới sau hoặc sáu giới tuy chẳng phải tánh trọng, trọng nên gọi là tùy tha thắng.

Hỏi: Như trên đã dẫn, kinh Bản Nghiệp chép rằng: giới Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp xả, có phạm mà không mất giới, tận bờ vị lai, vì sao luận chép rằng hai bốn xả duyên, thuyết này đâu đạt lời nói trong kinh? Trả lời: Nghĩa ngắn gọn, đều khác nhau nên không trái nhau, nghĩa ấy như thế nào, nói mất giới là xả phải mong trên chỗ huân hạt giống, vận dụng công năng tăng thượng ngăn ngừa nhiếp giữ. Nếu nói thể của hạt giống, một lần huân tập là còn mãi mãi không mất. Nếu nói về công năng thì trái duyên liền mất. Vì năng nên luận nói xả giới, vì công năng có từ thể nên kinh nói không mất. Kinh ấy chép rằng: Tất cả giới của Bồ-tát, Thánh, Phạm tận tâm là thể, cho nên tâm tận giới cũng vậy, tâm không tận nên giới cũng vô tận. Hỏi: Nếu vậy thì năm duyên trong giới Thanh văn lẽ ra không mất phải chăng? Đáp: Theo thể thì thật đúng như vậy, nhưng Đức Phật giáo hóa Thanh văn theo Trung đạo, phần nhiều thì công năng nói giới là sắc, cho nên không nói còn mãi không mất. Thanh văn đã thọ năm duyên được xả: Một là mệnh chung xả; hai là hai bình xả, ba là đoạn thiện căn xả; bốn là tác pháp xả; năm là phạm trọng xả. Sở thọ của Bồ-tát đến tận đời vị lai, cho nên không có thời mệnh chung xả, hai hình cũng cho phép thọ giới Bồ-tát, cho nên không có hai hình xả, khởi tâm khác nhau liền mất giới; nên không cần đoạn thiện căn mới xả. Giải thích thể thọ xong, kể lại nói về tùy hạnh, tùy hạnh có hai, như người ở bậc Thượng phẩm sau khi thọ lần đầu cho đến Bồ-đề, một bề chuyên ròng tinh tấn không hủy phạm. Người ở bậc trung và hạ phẩm tùy duyên phạm giới, mà nhớ gốc thì bị phạm trở lại thanh tịnh. Hai phần này đều được gọi là giới tùy học. Tuy nhiên nói chung bên trong lại y cứ vào ba giới hiển bày tùy tướng riêng. Tướng tùy hạnh trong giới luật nghi là như trong kinh nói: Thành tựu thi-la khéo khéo phòng hộ luật nghi biệt giải thoát, khuôn phép thực hành thấy đều tròn đầy, thấy được tội nhỏ nhặt cũng sinh tâm sợ hãi, đối với học xứ khéo léo học thọ. Thành tựu thi-la là nhờ giữ gìn tịnh giới, nghĩa là thọ trì tịnh giới tương ưng không thiếu nên gọi là thành tựu thi-la. Khéo giữ gìn luật nghi biệt giải thoát là khéo léo giữ gìn thi-la xuất ly, nghĩa là cầu biệt giải thoát, giữ gìn chỗ có luật nghi khác nên gọi là luật nghi biệt giải thoát. Vì luật nghi này có công năng mau ra khỏi biển

khổ sinh tử, khuôn phép Sở hành đều viên mãn vì có thi-la thanh tịnh khó bị phỉ báng. Khuôn phép viên mãn là các oai nghi, v.v....., người không thông minh đã bị quở trách. Sở hành viên mãn là chỗ không làm của các chúng Tỳ-kheo xa lìa năm thứ, năm thứ ấy là: nhà xướng lệnh, nhà dâm nữ, nhà bán rượu, nhà vua chúa, nhà chiêm-Đồ-la yết-sỉ. Thấy tội nhỏ sinh tâm sợ hãi, mạnh mẽ cung kính học thi-la, đối với già tội mạnh mẽ cung kính tu học giữ gìn, như tánh tội, ấy gọi là thấy tội nhỏ còn sinh tâm sợ hãi. Đối với các học xứ khéo léo thọ học vì thọ học viên mãn sở học thi-la, nghĩa là đầy đủ viên mãn thọ học học xứ, ấy gọi là đối với các sở học khéo hay thọ học. Giới nhiếp thiện pháp tùy học tướng là khi các Bồ-tát giới nhiếp thiện pháp siêng năng tu tập, lược ở sáu tâm nên khéo quan sát. Sáu tâm ấy là: Một là tâm khinh miệt, hai là tâm biếng nhác, ba là tâm che lấp, bốn là tâm mệt mỏi, năm là tâm bệnh tùy hạnh, sáu là chướng tâm tùy hạnh. Nếu các Bồ-tát đối với pháp lành đã có tâm khinh, không có tâm thẳng giải và tâm miệt, gọi là tâm khinh miệt. Nếu có tâm lười biếng, kiêu ngạo, buông lung, bó buộc gọi là tâm biếng nhác. Nếu tham dục, v.v.... hễ có bất cứ một tâm che đậy hoặc các phiền não và tùy phiền não trói buộc gọi là tâm che lấp. Nếu đối với sự mạnh mẽ tăng thượng tinh tấn, thân tâm mệt mỏi che khuất tâm ấy gọi là tâm mệt nhọc. Nếu có các bệnh tổn não tâm ấy, không có năng lực thì không tu hành được, gọi là tâm bệnh tùy hạnh. Nếu có vui mừng bàn tán... chướng tùy theo tâm ấy gọi là chướng tâm tùy hạnh. Bồ-tát đối với sáu thứ tâm này phải quán sát đúng. Ta ở trong sáu thứ tâm như thế có tùy theo một hiện tiền hay không có? Đối với ba tâm trước, Bồ-tát một bề không nên sinh khởi. Nếu đã sinh khởi thì không nên nhân thọ, nếu có nhân thọ thì không xả bỏ, đối với khắp tất cả đều gọi là có tội. Khi tâm mệt nhọc hiện ở trước, vì tâm này nên bỏ phương tiện khéo léo. Nếu tạm thời ngừng dứt thân tâm mệt nhọc, nên tu tập nhiều pháp lành, phải biết rằng không có tội. Nếu đối với tất cả cuối cùng lìa bỏ thì ta cần gì phải tinh tấn tu tập pháp lành như thế, khiến cho ta hiện tại sống trong khổ này. Nếu như vậy thì nên biết là có tội. Khi bệnh tâm tùy hạnh hiện ra, ở đây không có tự tại, không theo sở dục tu gia hạnh lành. Tuy là nhân thọ nhưng không có tội. Khi chướng tâm tùy hạnh hiện ra, nếu không tùy dục rơi vào trong đó, hoặc thấy ở đây có nghĩa lợi lớn, tuy là nhân thọ nhưng không có tội. Nếu theo ý muốn rơi vào trong đó, hoặc thấy trong đó không có nghĩa lợi lớn hoặc thiếu nghĩa lợi mà nên nhân thọ, phải biết là có tội. Sáu tâm như thế, ba tâm trước đã sinh rồi mà nhân thọ thì vốn có tội. Tâm bệnh tùy hạnh,

tuy là nhân thọ nhưng vốn không có tội. Ngoài hai tâm, nếu đã sinh khởi mà nhân thọ thì hoặc là có tội hoặc là không tội. Giới nhiếp chúng sinh tùy là học tướng nhưng nếu các Bồ-tát khi ở trong giới làm lợi ích cho loài hữu tình, siêng năng tu tập thì quán sát đúng lúc xứ chi nhiếp hạnh. Cái gọi là tự tha, tài suy, tài thịnh, pháp suy, pháp thịnh đó gọi là sáu xứ. Nói về tài suy, là ăn mặc, v.v..... chưa được không được đã đoạn hoại, trái với tướng này phải biết là tài thịnh. Nói pháp suy là vượt qua sở học, đối với chỗ chưa nghe thắng nghĩa ở trước đã nhiếp lấy chỗ nói pháp mâu nhiệm của Như lai, không được nghe thấy như không nghe thấy chỗ chưa nghe ở trước như thế, đối với chỗ chưa suy nghĩ ở trước không được suy nghĩ, có chướng thấy nghe, có chướng suy nghĩ, nếu được lắng nghe, suy nghĩ tìm tòi thì lại quên mất. Đối với chỗ chưa tu chứng, chỗ thành là thiện nhưng chưa chứng được, nếu chứng lại lui sụt, trái với tướng này nên biết là pháp thịnh. Trong đây Bồ-tát tự làm pháp mình suy khiến cho người khác tài thịnh. Ở đây không nên làm, nếu làm cho tài thịnh, pháp thịnh cũng giống như vậy. Trong đây nghĩa là vượt học sở nhiếp cũng có tùy thuận vượt học sở nhiếp, hoặc đối với pháp chứng, bỏ mất sở nhiếp, nên biết là pháp suy. Lại nữa Bồ-tát làm tài mình suy, khiến cho tài người khác thịnh, nếu tài này mà không đưa đến pháp suy thì ở đây nên làm. Nếu đưa đến pháp suy thì không nên làm. Nếu làm cho tài thịnh, pháp thịnh cũng giống như vậy. Lại nữa, các Bồ-tát làm tài của mình thịnh và làm cho tài người khác thịnh, thì nên làm. Như làm cho tài thịnh, pháp thịnh cũng giống như vậy. Các Bồ-tát làm cho pháp mình thịnh và khiến cho tài người khác thịnh thì nên làm, nếu khiến cho tài thịnh pháp thịnh cũng giống như vậy. Đối với việc như thế nếu không tu hành gọi là có tội. Nếu chánh tu hành thì gọi là không tội. Trong đây văn sao của luật nghi là đúng pháp, khác văn sao của hai giới Du-già quyển bảy mươi lăm.

Lại nữa, Du-già, quyển bảy mươi lăm chép rằng: Nếu có Bồ-tát thọ giới trong ba loại này, hề có chỗ mà thiếu thì phải biết là chẳng hộ, nên nói không che chở. Luật nghi của Bồ-tát không nên nói là che chở. Ba giới này do sự nhiếp trì của giới luật nghi khiến cho hòa hợp. Nếu đối với chỗ bảo hộ này mà tinh tấn tu tập thì cũng có thể tinh tấn giữ gìn hai phần khác. Nếu có người đối với việc này không thể giữ gìn, đối với hai nơi khác cũng không thể giữ gìn. Cho nên có hủy hoại luật nghi gọi là hủy tất cả. Luật nghi của Bồ-tát đều tùy lược nói, tông thú của giới nghĩa của nó thô như vậy. Kế là thể tướng, thể là tự tánh của giới, tức là biểu vô biểu, ba nghiệp là thể, khác với Thanh văn chỉ chế bảy chi.

Mười chi dưới của ba nghiệp đều có biểu vô biểu. Giải thích rộng về nghiệp tướng phải nói rõ ràng. Tướng là chủng loại của giới nghĩa là mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Giáo khác ẩn hiện như lý, phải nên tìm tòi. Việc quá nặng thì chế làm giới trọng, ngược lại là nhẹ.

Hỏi: Trong kinh này nói về mười giới trọng, vì sao Thiện Sinh chỉ giải thích sáu giới trước, trong Bồ-tát Địa chỉ nói bốn giới sau? Đáp: Trong kinh này chung cho bảy chúng cùng thọ trì nên nói mười giới trọng. Thiện sinh y cứ riêng hai chúng tại gia cho nên chỉ lấy sáu giới trước làm giới trọng. Vì giới bán rượu nói qua về tội của chúng tại gia, nên đối với tánh trọng, thêm vào hai giới là sáu. Bốn giới sau đối với thế gian quá nhẹ nên đối với chúng tại gia không chế làm trọng. Giới thứ năm và thứ sáu đối với đạo lỗi ấy lại nhẹ, cho nên Địa Trì nói riêng về bốn giới sau.

Lại trong mười giới, bốn giới trước đại tiểu đều trọng, giới thứ năm và thứ sáu, đạo, tục đều xem trọng. Sự của bốn giới sau chỉ có Bồ-tát mới trọng. Đối với Thanh văn không chế trọng, nên chỉ trọng đối với xuất gia, ở tại gia có lẽ không nói là trọng, nên có hai điều không cùng nghĩa. Địa Luận nói rộng: Có thể Đức Phật xem xét vật có giáo hóa chẳng phải một đường, phải tùy theo trình độ học không cần phải biết, giới hai mươi bốn của Phương Đẳng cần phải xem xét, thể tướng của nó thô như vậy.

Giới Bản của Bồ-tát Đại Thừa, kể là giải thích tựa đề, là vì hiển tông thú cho nên đề lược gọi là hiển thể tướng, vẫn có phân biệt rộng. Nói về giới bản của Bồ-tát Đại thừa là: Nếu còn đủ tên gốc phải gọi là Phật Lô-xá-na. Trong Kinh Phạm Võng nói mười giới trong bốn mươi tám giới khinh, phẩm Tâm Địa thứ mười của Bồ-tát. Người đời sau vì còn riêng giới bản nên đổi lại thánh giới bản Bồ-tát đại thừa. Trước tiên giải thích tên gốc, Kinh Đại Bản Phạm Võng này chưa phiên dịch, nếu phiên dịch lẽ ra có một trăm hai quyển, sáu mươi một phẩm, chỉ tụng phẩm Tâm Địa Bồ-tát thứ mười của Pháp sư La-thập, do ngài Phòng Dung ghi chép, gồm hai quyển thượng và hạ, quyển thượng nói về cấp bậc của Bồ-tát, quyển hạ nói về giới pháp của Bồ-tát. Cho nên Đại Bản gọi là Kinh Phạm Võng. Phạm Võng nghĩa là mình lưới của Phạm Vương, như lưới nhân Đà la, nghĩa ấy giống như Phật quán Pháp môn, tùy vô lượng căn cơ, lý ấy thống nhất. Như lỗ lưới trời Phạm Vương tuy có vô lượng nhưng lưới chỉ có một. Nên từ việc ví dụ gọi là Phạm Võng. Đây là tên chung một bộ. Nếu y cứ theo giới bản mà giải thích Phạm Võng thì như lỗ lưới của trời Phạm Vương tuy nhiều nhưng lưới

thì chỉ có một. Giới pháp của Pháp vương nên biết cũng giống như vậy. Tuy còn tùy theo sự nhẹ nặng nhiều điều nhưng thi-la thanh tịnh trọng quay về nhất đạo, cho nên từ thí dụ gọi là Phạm Võng. Lại giới là Phạm hạnh, cũng là lưới pháp, nên gọi là Phạm Võng. Như nói rằng lưới trời lồng lộng tuy thưa mà khó lọt, giới pháp cũng giống như vậy vì nhiếp các chúng sinh không bị rơi vào biển sinh tử. Kinh nói rằng: Mở rộng lưới Đại giáo bủa trên sông sinh tử, vớt người, trời, rồng đưa vào bờ niết bàn, ấy là nghĩa này đây.

Phật Lô-xá-na nói là tiêu biểu cho Giáo chủ. Lô-xá-na, Hán dịch là Tịnh Mãn. Tâm Địa Xá Na Tự Thuyết quyển thượng, nay giới bản này là do Đức Thích-ca nói suy công ở bản nên gọi là kia nói. Mười giới trọng, 48 giới khinh của Bồ-tát là hai trăm năm mươi giới chung cho cả ba thừa. Năm mươi tám giới này chỉ chế cho Bồ-tát, chọn chung lấy riêng nên nêu là Bồ-tát, mười việc căn bản, phạm thì mất giới, nên đặt tên là trọng, bốn mươi tám giới nhánh chỉ bản tâm hạnh nên đặt tên là khinh, hiếu thuận ngăn chặn nên gọi là giới, gọi là giới bản của Bồ-tát Đại thừa. Nay mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh này lược phép tắc chỉ do Đại thừa đặt ra, y cứ theo người thì chỉ là sở trì của Bồ-tát. Về giới bản thì giới kinh này là hạnh bản. Lại giới hạnh này là gốc của Bồ-đề. Như kinh chép rằng giới này là gốc của Vô thượng Bồ-đề, nên phải nhất tâm trì tịnh giới, lại đây lược nói là bản rộng.

Kế là tùy văn giải thích, kinh này đã rút ra không có phần thứ ba như thế, nhưng theo trong văn đều có phần tựa. Từ đầu đến cuối đều gọi là thanh tịnh bậc nhất, đó cũng là nói theo phần tựa. Phật bảo các Phật tử bốn mươi tám giới khinh này, ba đời Bồ-tát đã tụng đang tụng và sẽ tụng là chánh thuyết, còn gọi là phần lưu thông. Trong tựa đầu có hai, kệ tụng đầu là tựa khuyến tin, còn lại phần hành văn là lời tựa kết giới. Cho nên y cứ vào hai phần làm tựa. Kinh Bản Nghiệp chép rằng: Vào biển Tam bảo lấy niềm tin làm gốc, ở trong nhà Phật lấy giới làm đầu, tin theo giới là gốc để nhập trụ, nên y cứ theo đó làm tựa. Lại tin là gốc của thọ giới nên trước làm bài tựa tin. Giới là chỗ sáng của tông nên tiếp theo làm bài tựa giới. Trong bài tựa khuyến tin có mười một hàng rưỡi, chia làm hai ý, đầu tiên là năm hàng tụng tựa giáo chủ đầu cuối, sau đó sáu hàng rưỡi khen giới pháp khuyến thọ. Trong phần đầu lại chia làm hai, tựa của hai hạnh đầu là ngọn nguồn hiện thân, hai hạnh sau nói về ngọn nguồn của giáo chủ. Trong ngọn nguồn hiện thân của bài tựa, hai câu đầu nói rõ bản thể trong đài, hai câu kế hiển rõ ứng thân trên hoa, bài bài tụng kế hiển rõ hóa hình dưới gốc cây, nửa bài tụng

cuối kết lại ngọn nguồn.

Hỏi: Ba lớp thân này trong ba thân phải phối hợp thế nào?

Đáp: Thuyết khác.v.v..., nay giải thích Lô-xá-na là nghĩa là gồm hai thân thọ dụng của tự tha, cho nên biết như vậy. Quyển thượng chép rằng: Ta trong một trăm a-tăng-kỳ kiếp tu hành tâm địa được thành Lô-xá-na, nên biết thông tự thọ dụng, được ngàn Đức Thích-ca nói pháp Tâm địa cho vi trần các Bồ-tát nghe, nên biết cũng đều là tha thọ dụng. Đây là đối cơ đặng địa đã hiện thân. Ngàn Đức Thích-ca ở trên hoa là thân biến hóa ở tịnh độ, cho nên biết như vậy, vì hoa là khí cụ thì chẳng phải tướng cõi uế. Luận Vô Tánh Nhiếp chép: Thân biến hóa trăm câu-ni nước đều là chủ. Đây là tám tướng thân uế trong cõi uế, tức là đây đã nói trăm ức Đức Thích-ca, nên biết chỗ hiện thân trên hoa chẳng phải là chỗ hiện hóa thân trong cõi uế. Lại trong bài kệ này đối với người mới học nói rằng: Đây là Lô-xá-na tụng, tà mạng cũng tụng như vậy, nên biết chẳng phải là đối với cái dơ bẩn trên đất, chính là đối với chỗ hiện thân của Bồ-tát tam Hiền kia. Trăm ức Đức Thích-ca là trong bốn thiên hạ của cõi uế là chỗ hiện thân của phàm phu, nhị thừa và Bồ-tát mới phát tâm.

Có người giải thích rằng: Kinh Thập Địa chép: Bồ-tát nhị địa ở trong một niệm nhập vào ngàn thế giới được tạm mặt thấy ngàn Đức Phật, vì giới là hạnh riêng của Bồ-tát Nhị địa, cho nên đối với Bồ-tát nhị địa kia hiện ra ngàn thân Phật. Bồ-tát Nhị địa đang đối trước ngàn thân chính là Phật Lô-xá-na, ngàn Đức Thích-ca ngay trong một niệm đã hiện hóa thân, hoặc phải như thế đối lý không sai khác. Nay ta là Lô-xá-na đang ngồi trên đài hoa sen. Nay ta là Lô-xá-na, đây là ai nói? Chính là một Đức Thích-ca trong ngàn Đức Thích-ca nói, vì chỉ bản thân mình nên nói là Ta. Bấy giờ, chẳng phải là đang ở ngày nay, mới ngồi giống như đang ngồi. Đài hoa sen tức là chỗ gần hạt sen trong hoa sen, số lượng ấy chung quanh ngàn cõi Tam thiên. Đây là lượng của tòa chớ chẳng phải là lượng của cõi nước. Trong kinh chép: Thế giới Liên hoa tạng là thế giới chung. Trên có mười hai cõi nước của Phật và bảy thế giới tánh, chín phương cũng giống như vậy, là chỗ thường chuyển pháp luân của Lô-xá-na.

Chung quanh trên ngàn cánh hoa lại hiện ra ngàn Đức Thích-ca. Trên chung quanh ngàn cánh hoa lại hiện ngàn đức Thích-ca chính là đài hoa sen của Lô-xá-na dùng ngàn cánh hoa vậy chung quanh, mỗi hoa ấy tính bằng trăm ức, trên hoa này hiện ra ngàn Đức Thích-ca. trên chung quanh ngàn hoa lại hiện ngàn đức Thích-ca chính là đài liên



hoa của Lô-xá-na lấy ngàn cánh hoa vì nhiều chung quanh mỗi mỗi hoa ấy tính bằng trăm ức, trên hoa này hiện ra Đức Thích-ca quý.

Mỗi cánh hoa có trăm ức cõi nước, mỗi cõi nước có một Đức Thích-ca, mỗi vị đều ngồi dưới cây Bồ-đề, đồng thời thành Phật đạo. Mỗi cánh hoa có trăm ức cõi nước, mỗi cõi nước có một Đức Thích-ca, nghĩa là trong ngàn cánh hoa, mỗi cánh hoa đều có trăm ức cõi nước của bốn châu. Ưc là số câu-chi, trăm câu-chi cõi nước là ba ngàn cõi, mười lần một trăm là một ngàn, mười lần ngàn là một muôn, mười muôn là một lạc-xoa, mười lạc-xoa là một độ-lạc-xoa, mười độ-lạc-xoa là một câu-chi. Tam thiên đại thiên là trăm ức, một ngàn lần là một Tiểu thiên, một ngàn Tiểu thiên là Trung thiên, một ngàn Trung thiên là một Đại thiên, đại thiên chính là một trăm câu-ni. Nhưng bản dịch mới ức chính là lạc-xoa. Đây là mười muôn là số ức, trong bản dịch luận cũ ức là câu-ni, đây là ngàn muôn là số ức. Như thuyết Tiểu thừa thì một cõi Tam thiên có một đức Thích-ca, chỉ trong Diêm-Phù-Đề của bốn thiên hạ này có thân thật trên tòa kim cương thành đạo. Trong thiên hạ khác không có tòa kim cương, chẳng phải là chỗ thành đạo, chỉ bỏ hóa thân độ đáng độ thôi. Nay theo thuyết Đại thừa thì trong cõi Tam thiên có trăm ức cõi nước, trong trăm ức cõi nước đều có cõi đạo thọ và tòa kim cương, trăm ức Đức Thích-ca đều làm chủ, hóa thân của Đức Thích-ca ở cõi nước này nói: Ta là bản thân, ngoài ra đều là hóa thân của ta, Đức Thích-ca ở cõi nước khác đều nói như thế. Như vậy thì theo gốc của mật luận, trăm ức đều làm gốc lẫn nhau, theo ngọn của bản luận đều là hóa thân của Xá-na.

Ngàn trăm ức bản thân của Lô-xá-na như thế. Ngàn trăm ức như thế nghĩa là một ngàn lần trăm ức nên nói là ngàn trăm ức. Chẳng phải Song điệp ngàn và trăm ức, dưới ngàn trăm ức đều giải thích như thế. Bản thân của Lô-xá-na là nêu rõ gốc ấy. Kinh Quyển Thượng chép rằng: Ta đã trải qua một trăm a tăng kỳ kiếp tu hành tâm địa, lấy đó làm nhân ban đầu bỏ phàm phu thành Đẳng Chánh Giác hiệu là Lô-xá-na, ở biển thế giới Liên Hoa đài tạng, đài ấy có ngàn cánh hoa chung quanh, một cánh hoa là một thế giới, vì ngàn thế giới ta hóa thành ngàn Đức Thích-ca, từ ngàn thế giới lại kèm một thế giới trên cánh hoa còn có trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức bốn thiên hạ, trăm ức cõi Diêm-Phù-Đề, trăm ức Bồ-tát Thích-ca ngồi dưới trăm ức cây Bồ-đề, đều nói Bồ-tát tâm địa mà ông, nghe còn lại chín trăm chín mươi chín Thích-ca mỗi vị đều hiện trăm ức Đức Thích-ca là ngàn Đức Thích-ca hóa thân, ta là bản nguyên gọi là Phật Lô-xá-na.

Ngàn trăm ức Đức Thích-ca đều tiếp vi trần chúng đến chỗ tà ma-  
ng, khi nghe ta tụng giới cam lộ của Phật thì khai mở, lúc ấy ngàn trăm  
ức vị lại đến đạo tràng này, đều ngồi dưới cội Bồ-đề tụng mười giới  
trọng, bốn mươi tám giới khinh của Bản Sư ta. Trong ngọn nguồn của  
thuyết giáo, năm câu đầu nói về bản thân, tức là ngàn Thích-ca được  
trăm ức Đức Thích-ca về chúng mà nói. Năm câu kế nêu thuyết của  
thân cuối, tức là trăm ức Đức Thích-ca là thời chúng thuyết, môn cam lộ  
là pháp Niết-bàn một lần ăn vào thì còn mãi mãi, nên gọi là cam lộ, vì  
giới có thể vào nên gọi là môn (cửa), nên ở đây nói là mở. Lại đến đạo  
tràng này là trăm ức cõi nước, đều là cảnh đang phân hóa nên gọi là bản  
đạo tràng. Giới của Bản sư là Chư Phật lấy giới làm Bản sư.

Giới như vầng nhật nguyệt, giống như chuỗi anh lạc, chúng Bồ-tát  
như bụi do giới mà thành Chánh giác, Lô-xá-na ấy tụng giới, ta cũng  
tụng như thế, các ông là Bồ-tát mới học, cung kính thọ trì giới, thọ trì  
giới này rồi thứ lớp trao lại cho các Bồ-tát, lắng nghe ta đang tụng.  
Tâm đại chúng vững tin giới tạng Ba-la-đề-mộc-xoa trong Phật Pháp,  
các vị là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin giới phẩm như  
thế đã đầy đủ, tất cả, người có tâm, đều phải nhiếp giới Phật, nghĩa là  
tất cả chúng sinh có tâm tin thành Phật thì đều nên nhiếp thọ giới của  
Chư Phật, liền nhập vào địa vị của Chư Phật, theo Kinh Chiêm Sát thì  
quả vị Phật có bốn: Một là tin mãn pháp cho nên thành Phật, nghĩa là  
nướng vào chũng tánh địa quyết định tin các pháp không sinh không  
diệt, thanh tịnh bình đẳng, vì không thể nguyện cầu; hai là vì biết Mãn  
pháp cho nên thành Phật, theo giải hạnh địa, hiểu sâu pháp tánh, biết  
nghiệp của Như lai không tạo không tác, đối với Niết-bàn và sinh tử  
không khởi hai tướng, vì tâm không sợ hãi; ba là vì chứng pháp tròn đầy  
nên thành Phật. Cái gọi là nướng vào tâm địa vắng lặng, để được pháp  
trí tịch tịnh không phân biệt và nghiệp tự nhiên không thể nghĩ bàn,  
vì không cần phải suy nghĩ, bốn là vì đầy đủ tất cả hạnh công đức cho  
nên thành Phật, cái gọi là nướng vào Bồ-tát Địa rất ráo vì dứt trừ tất  
cả chướng vô minh mộng tưởng. Nay người thọ giới Bồ-tát, phải có đủ  
niềm tin, được vào Phật vị Sơ tín mãn, y nói là vào ngôi vị Phật, nghĩa  
là đã thành Phật, tức là quả vị đồng bậc Đại giác, thật là các Phật tử.  
Tựa khuyến tin đã xong.

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, ban đầu ngồi dưới cội  
Bồ-đề thành Vô thượng Chánh giác, bắt đầu kết giới Bồ-tát rằng: Hiếu  
thuận cha mẹ, Sư Tăng, Tam bảo, hiếu thuận là pháp chí đạo, hiếu gọi  
là giới, cũng gọi là vãm ngăn. Liền đó, từ miệng vàng Phật phát ra vô

lượng ánh sáng. Lúc ấy, trăm muôn ức đại chúng, các Bồ-tát, mười tám vị Phạm Vương, thiên tử của sáu tầng trời cõi dục, mười sáu vị đại quốc vương, chấp tay dốc lòng lắng nghe Đức Phật tụng giới Đại thừa của tất cả Chư Phật. Trong nhóm tựa kết giới có hai: Một là tựa của người dịch kinh gia, hai là lời tựa của Phật. Trong lời tựa của người dịch kinh có ba: Một là tựa kết giới, hai là tựa phát ra ánh sáng, ba là tựa nhóm chúng. Trong tựa kết giới, đầu tiên là kết giới Bồ-tát, còn giới Thanh văn sau mười hai năm tùy theo việc mà dần dần đặt ra, Bồ-tát thì không như vậy. Ban đầu ở dưới cây Bồ-đề đồng loạt chế, cho nên như vậy. Còn Thanh văn thì trình độ thấp kém, vô sự mà chế trước thì sẽ chệch, nên theo duyên phạm mới dần dần chế. Bồ-tát thì có căn cơ cao siêu nên tùy hạnh không chệch bại nhàm chán, nên chế ngay không cần phải theo duyên phạm. Theo luận Thập Địa thì Phật thành đạo mới bảy ngày tự thọ pháp lạc, tư duy nhân duyên nên chưa khởi thuyết, sau ngày thứ mười bốn mới bắt đầu nói. Nay nói mới kết phải là trong ngày thứ mười bốn. Từ hiếu thuận trở xuống giải thích sơ lược danh nghĩa kết giới, dùng hai nghĩa giải thích sơ lược tên của giới. Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là giới biệt giải thoát. Luận Đối Pháp chép: Để cầu giải thoát riêng đặc biệt phòng hộ đã có luật nghi, nên gọi là luật nghi biệt giải thoát, vì luật nghi giúp cho mau thoát khỏi biển khổ sinh tử. Đây là ngăn ngừa riêng. Giới giúp cho được quả giải thoát nên từ quả gọi là biệt giải thoát. Lại khi đắc giới đặc biệt giải thoát được sự ràng buộc của ba cõi, nên gọi là biệt giải thoát. Giới biệt giải thoát này nếu Thanh văn đã thọ chỉ có nghĩa là ngăn chặn, phòng ngừa được lỗi lầm nên không có nghĩa hiếu thuận, vì không cầu nhiếp thiện và lợi ích chúng sinh. Như giới của bậc Đại Sĩ có đủ hai nghĩa, một là nghĩa hiếu thuận vì nhiếp thiện,...hai là nghĩa ngăn chặn vì lìa được pháp ác. Hiếu thuận cha mẹ là vì sinh đẻ ra hình hài ở đời. Hiếu thuận Sư Tăng là vì nuôi lớn pháp thân. Tam bảo là cảnh cao quý vào đạo. Pháp chí đạo là gốc đực quả, nêu sơ lược bốn chỗ hiếu thuận. Từ miệng vàng phát ra ánh sáng, sắp nói giới pháp nên hiện ra điềm lành. Lúc ấy, trăm muôn ức đại chúng nhóm họp đông đảo.

Đức Phật bảo các Bồ-tát rằng: Nay ta mỗi nửa tháng tự tụng giới pháp của Chư Phật, các ông, tất cả các vị Bồ-tát mới phát tâm cũng tụng, cho đến Thập Phát thú, Thập Trưởng dưỡng, Thập Kim cương, Thập địa, các Bồ-tát ấy cũng tụng, cho nên ánh sáng giới từ miệng ta phát ra. Phát ra là vì có duyên do, chớ chẳng phải vô cớ. Giới quang ấy chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, chẳng phải sắc pháp cũng

chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu, pháp vô cũng chẳng phải pháp nhân, pháp quả. Nó chính là bản nguyên của Chư Phật, là căn bản hành đạo của Bồ-tát, là căn bản của các Phật tử. Cho nên các Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này.

Các Phật tử lắng nghe! Nếu là người thọ giới Bồ-tát này, bất luận là Quốc Vương, Thái tử, các quan chức hay Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mười tám Phạm Thiên, sáu tiếng trời cõi dục cho đến hàng thứ dân, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, tôi tớ hay tám bộ Quỷ thần, thần Kim Cương, loài súc sinh và những kẻ biến hóa, hễ ai nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư thì đều được thọ giới, đều gọi là người thanh tịnh bậc nhất. Trong lời tựa của Phật cũng có ba: Một là bảo tụng giới pháp; hai là giải thích nhân duyên ánh sáng; ba là khuyên thọ trì... Trong phần đầu bảo tụng giới nửa tháng tự tụng, tuy quả đức viên mãn nhưng quên nhân duyên, tuy tất cả thời tụng nhưng vì người mới học, nên nói nửa tháng tụng. Bồ-tát phát tâm nghĩa là Thập Tín, Thập Phát thú là Thập Giải, cũng gọi là Thập Trụ, cũng gọi là Tập chủng tánh. Mười tên gọi ấy nghĩa là xả, giới, nhẫn, tiến, định, tuệ, nguyện, hộ, hoan hỷ, đảnh tâm. Mười pháp này, ban đầu mới phát tâm hướng về Đại thừa nên gọi là Phát thú. Thập Trưởng Dưỡng tức là Thập Hạnh, cũng gọi là Tánh chủng tánh, mười tên gọi ấy là tâm từ, bi, hỷ, xả, thí, hảo, ngữ, ích, nhân, định, tuệ. Mười tập này thành tánh, nuôi lớn mầm Thánh nên gọi là Trưởng dưỡng. Thập Kim cương là Thập Hồi Hương cũng gọi là Đạo chủng Tánh, phương tiện hạnh thì không thể hư hoại nên gọi là Kim cương. Mười tên ấy là tâm, tín, niệm, hồi hương, đạt, viên, trực, bất thoái Đại thừa, vô tướng, tuệ, bất hoại. Thập Địa cũng gọi là Thánh chủng Tánh, mười tên ấy là thể tánh bình đẳng địa, thể tánh thiện tuệ địa, thể tánh quang minh địa, thể tánh nhĩ viêm địa, thể tánh huệ chiếu địa, thể tánh hoa quang địa, thể tánh mãn túc địa, Thể tánh Phật hồng địa, Thể tánh Hoa Nghiêm địa, thể tánh nhập Phật cảnh giới địa. Nói rộng hành tướng như kinh quyển thượng. Vì thế giới quan dưới đây giải thích nhân duyên phát ra ánh sáng. Phát ra ánh sáng là vì có lý do chớ chẳng phải vô cớ, nghĩa là ngoài có thời chúng cảm duyên Pháp cao quý, bên trong có bản nhân đại bi của Như lai, mới được hiện điềm lành nêu chỗ nói pháp. Quang quang là chỗ phát ra ánh sáng có nhiều loại, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Vì ngọn tức là gốc nên chẳng phải năm màu, chẳng phải sắc tâm vì không ngại duyên, chẳng phải pháp hữu pháp vô, chẳng phải phàm phu hữu mà Nhị thừa thì vô, chẳng phải pháp nhân quả, chẳng phải pháp khổ tập. Bản nguyên của Chư Phật là gốc thành

đạo quả. Gốc của Bồ-tát là gốc thành nhân, căn bản của các Phật tử thì nêu riêng thời và chúng.

Kế đến là khuyên thọ trì.v.v.. ứng thọ là theo thầy thọ trước, ứng trì là hộ trì sau khi thọ, ứng tụng là tụng câu văn, khéo học là học ý nghĩa. Nếu thọ rồi phần dưới giải thích rộng về nghĩa thọ, còn lại ba phần khác giải thích sơ lược, vì phần đầu gồm cả phần sau. Vua chúa, v.v... là những người quý tộc ở thế tục. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni là người thọ giới cụ túc Thanh văn ở trước, cũng gồm ba chúng dưới. Mười tám vị Phạm Vương là các tầng trời cõi sắc. Thế nào là 18? Một là ba lần ba là chín, thứ tư cũng có chín, đó là Vô Vân.v.v... ba vô tướng, năm Tịnh cư. Vô tướng thì có lẽ trước sau đều có tâm, để có người phát tâm thọ giới Bồ-tát. Trong Kinh chép: Từ cõi trời Tịnh cư trở xuống cũng được Phật thọ ký. Nên biết cũng có người phát tâm thọ giới. Có thuyết cho rằng: Chỉ có 18 Phạm Thiên, Vô Tướng và năm Tịnh cư không nằm trong số này. Như Kinh Bản Nghiệp xếp vào các tầng trời cõi sắc, nghĩa là trời Phạm Thiên, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại Phạm, (bốn tầng trời này thuộc về cõi trời Sơ thiên). Trời Thủy Hạnh, Trời Thủy Vi, Trời Thủy Vô lượng, Trời thủy âm (Bốn tầng trời này thuộc về Trời nhị thiên), Trời ước Tịnh, Trời Vô Tướng, Trời Biến Tịnh, Trời Tịnh Quang minh (Bốn tầng trời này thuộc về trời Tam Thiên), Trời Thủ Diệu, Trời Vi Diệu, Trời Cực Diệu, Trời Phước Quả, Trời Quả Thắng, Trời Đại Tịnh (Sáu tầng Trời này thuộc về trời Tứ thiên). Sáu tầng trời là Trời cõi dục, trời cõi vô sắc. Nếu theo hiển pháp vì không thọ nghĩa Pháp nên không nói. Thứ dân là người không có chức vụ. Huỳnh môn là năm loại bán-trạch-ca, súc sinh cho đến người biến hóa nghĩa là trong loài súc sinh có thể biến hóa, nhưng hiểu lời Pháp sư thì đều được thọ giới. Trong sự xếp đặt này. Nếu nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, cũng phát được tâm Bồ-đề, đều được thọ giới. Còn giới tại gia như trên đã nói, hiểu lời truyền giới của Pháp sư đều được thọ giới. Nếu giới của người xuất gia thì không phải như thế. Chỉ có trong cõi người, hoặc nam hoặc nữ, người không có già nạn, mới đối là thọ, nghĩa đồng với cách thọ của Thanh văn xuất gia. Lại nữa, giới pháp lẽ ra đều được thọ chung, vì văn không phân biệt. Chỉ cần tánh của Tỳ-kheo v.v... Như Bán-trạch-ca cho thọ năm giới, chỉ cần ngăn tánh cận sự nam. Tựa văn đã xong.

Đức Phật dạy: Nay các Phật tử! Có mười giới trọng, nếu người thọ giới mà không tụng giới này thì chẳng phải Bồ-tát, chẳng phải Phật tử. Chính ta cũng tụng như vậy.

Tất cả Bồ-tát đã học, sẽ học và đang học!

Ta đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ-tát, phải nên tu học, hết lòng cung kính vâng giữ.

Trong chánh thuyết, phần lớn chia làm hai: một là phân biệt giới trọng; hai là nói về giới khinh. Trong phân biệt giới trọng có ba: một là nêu chung các tên giáo khiến thọ học, hai là nói riêng về loại tướng giới khiến nhiếp hộ, ba là kết là được mất, khuyên cung kính thọ trì. Trong phần đầu có mười số gọi là mộc-xoa, người không tụng thì chẳng phải Bồ-tát... rõ ràng do tướng này mà được thành Bồ-tát và Phật tử. Tất cả Bồ-tát đã, đang và sẽ học, rõ ràng giới Pháp này là phép tắc chắc chắn của ba đời. Tướng trạng của mộc-xoa người không tụng thì chẳng phải Bồ-tát, là tướng của giới, ba đời đều học là mao của giới. Nói riêng về loại tướng thì mười giới trọng là mười, trong mỗi giới phải dùng năm câu phân biệt giải thích văn nghĩa, một là tạo ý giải thích tên; hai là đủ duyên thành phạm; ba là quyết định nghiệp nhẹ, nghiệp nặng, bốn là sự giống nhau, khác nhau về học xứ; năm là giải thích theo văn.

Phật dạy: Nếu Phật tử tự mình giết, hoặc xúi giục người giết, phương tiện giết, khen ngợi giết, thấy giết mà tùy hỷ, cho đến dùng bùa chú để giết: nhân giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết. Tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Bồ-tát lẽ ra phải thường khởi lòng từ bi, lòng hiếu thuận, tìm mọi cách cứu giúp tất cả chúng sinh, mà trái lại tự nở tâm sát sinh, Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

**GIỚI SÁT THỨ NHẤT:** Giới sát thứ nhất: Chế ý giải thích tên gọi, mạng sống là hình căn có dự sống được quý trọng. Trong loài hàm linh đều được quý trọng. Nên trong Kinh Niết-bàn Đức Phật khuyên vua A-xà-thế. Tuy con người và súc sinh sang hèn khác nhau nhưng sự quý trọng sinh mạng thì không khác nhau. Như vậy thì bậc đại sĩ vì có tâm nhân từ làm đầu, đâu được buông lung ưa thích cắt đứt sinh mệnh của kẻ khác, vì trái với hạnh từ nên chế giới bất sát đứng đầu. Còn Thanh văn lấy việc giải thoát ràng buộc làm đầu nên chế giới bất sát đứng đầu đâm. Bồ-tát thì dùng lòng từ cứu giúp là cao thượng nên giới đầu tiên là cấm sát sinh. Lại vì mười giới trọng này bảy chúng cùng thọ trì nên chế giới bất sát ở trước. Thích danh là hình tướng quả báo nối nhau giả gọi là sinh, trái duyên bức hại gọi là sát. Đủ duyên thành phạm, duyên thành phạm chung riêng mỗi thứ có năm. Năm duyên chung gồm: Một là thọ tịnh giới của Bồ-tát, hai là đối với tự tánh của mình không cuồng loạn,...

ba là không bị khổ nặng ép ngặt, trái đây không phạm. Nên trong Bồ-tát địa chép: Tất cả chỗ không trái phạm nghĩa là hoặc tâm kia tăng thượng cuồng loạn, hoặc bị khổ nặng ép ngặt. Nếu chưa từng thọ tịnh giới luật nghi thì nghĩa thêm hai duyên, một là có nhớ, nghĩ, nghĩa là khi chuyển sinh nếu nhớ trước đã thọ thì tùy theo sự tạo tác mà thành phạm. Nếu không nhớ nghĩ thì dù có tạo tác cũng không phạm; Hai là không có duyên lợi sinh, nếu có chỗ lợi sinh thì cho hành sát.v.v... Phần trước ba và hai là năm duyên chung. Năm duyên riêng là trong phẩm 59 chép: Nếu rộng lập mười nghiệp ác, tự tánh khác nhau còn do năm tướng năm tướng gồm: Một là sự, hai là tướng, ba là dục lạc, bốn là phiền não, năm là phương tiện rất ráo. Sự là mỗi nghiệp đạo đều quyết định khác đã nương vào sự, hoặc hữu tình Số, hoặc phi hữu tình Số, tùy theo chỗ cần nương của người nghiệp đạo ác kia mà chuyển. Tướng có bốn: một là tướng ở chỗ kia chẳng phải kia (như luật chép: tướng nhân, phi nhân); hai là chẳng ở chỗ kia tướng ở chỗ kia (tướng chẳng phải người mà là người); ba là ở chỗ kia tướng là ở chỗ kia (tướng người là người); bốn là tướng ở chỗ kia chẳng phải ở kia (tướng phi nhân là phi nhân).

Về Dục lạc, hoặc có tướng điên đảo, hoặc không có tướng điên đảo, lạc đã thành dục. Phiền não là, hoặc tham, hoặc sân, hoặc si. Hoặc tham sân, hoặc tham si, hoặc sân si, hoặc tham sân si tất cả đều đủ. Phương tiện rất ráo tức là đối với sở dục tùy theo sự tạo nghiệp mà khởi phương tiện, hoặc ngay lúc ấy, hoặc sau đó được rất ráo. Do năm tướng này mà thành sát sinh, cho đến tà kiến trong các nghiệp đạo, theo đó nên cần phải xây dựng tự tánh tròn đủ. Mười loại luận văn khác nhau như thế. Nay (664) y theo ý kia giải thích duyên phạm này. Việc trong giới sát nghĩa là hữu tình số, chúng sinh là việc, ở đây có ba phẩm: một là phẩm thượng, nghĩa là giết Phật, bậc Thánh, cha mẹ, Sư Tăng thì phạm năm tội nghịch và tội trọng. Người chứng quả thứ ba ở dưới, một là không nghịch, trong kinh Niết-bàn vì xếp vào giới sát nên chắc chắn. Bồ-tát đồng với khoa sát ở trên, một là nghịch, trong bảy tội nghịch chỉ nói giết bậc Thánh chớ chẳng nói là không học, nên giết mẹ dưỡng thai là phạm tội nghịch, đối với Bồ-tát là lỗi nặng, chỉ nói là nặng, chẳng phải sinh bản. Hai là phẩm trung là giết trời Người chỉ phạm tội trọng. Ba là phẩm hạ, nghĩa là bốn cõi dưới, nếu giết thì chỉ phạm tội nhẹ vì không phải đồ đưng đạo. Văn chép rằng: Tất cả loài có sinh mạng nà nêu nhẹ so sánh với nặng. Trong giới Thanh văn cũng nói rằng dù cho loài kiến nhỏ cũng không nên cắt đứt mạng sống của nó huống chi là tội trọng. Một là thành trọng, vì văn không phân biệt,

trong giới Thanh-văn, ban đầu tuy nói chung, sau đó thì phân biệt riêng, ở đây không như vậy, không hề phân biệt riêng, nên biệt là trọng. Về tướng, trong luận chép rằng: Nếu người giết hại, đối với chúng sinh nghĩ là chúng sinh, khởi ý muốn giết hại chúng sinh, ý nghĩ này không điên đảo đối với chúng sinh kia. Nhưng nghĩ có ba: một là không có ý nghĩ điên đảo, nghĩa là như người nghĩ là người, ngay câu thứ ba ở kia nghĩ là ở kia và chẳng phải người khởi tướng, chẳng phải người tức là câu thứ tư chẳng phải ở chỗ kia tướng chẳng phải ở chỗ kia; Hai là nghĩ điên đảo, nghĩa là người khởi nghĩ là chẳng phải người, tức là câu thứ nhất đối với kia nghĩ chẳng phải kia, đối với phi nhân nghĩ là người, tức là câu thứ hai chẳng phải kia là kia; Ba là nghi tướng, nghĩa là người mà nghi chẳng phải người, chẳng phải người nghi là người. Luận tuy không nói, y theo luật lẽ ra không có sự điên đảo. Trong hai người tướng là một người phạm căn bản, chẳng phải người tướng chẳng phải người thì không phạm. Nếu thấy phi súc sinh cũng phạm căn bản. Nay y cứ theo phi tình nên nói không phạm. Trong tướng điên đảo cả hai đều không phạm căn bản, nhưng phải phân biệt. Ban đầu người mà nghĩ là phi nhân, vốn mê nên không phạm, chuyển tướng cũng phạm. Cuối cùng phi nhân tướng là người tuy không phạm căn bản nhưng một bề có tội, phạm phương tiện.

Về dục lạc; luận chép rằng: Vì nương theo tướng này nên khởi tâm như vậy: Ta phải giết chúng sinh, như vậy gọi là sát sinh. Dục lạc này là suy nghĩ giết, gọi là dục, mở rộng... Mạn là gặp cảnh nào cũng đều giết hại. Nếu tâm mạn thì gặp bất cứ cảnh nào cũng đều thành căn bản. Nếu kiềm chế tâm thì tâm cảnh tương xứng, liền thành căn bản. Nếu không tương xứng, vì không thành cho nên nhẹ. Phiền não, trong luận chép rằng: Đây hay giết hại thì hoặc là bị tham che lấp hoặc sân che lấp, hoặc si che lấp, hoặc cả hai che lấp, hoặc cả ba tham sân si che lấp mà khởi tâm, ấy gọi là Phiền não. Phương tiện rất ráo là kia do dục lạc và tâm nhiễm ô, hoặc mình hoặc người khác phát khởi phương tiện làm hại chúng sinh. Nếu giết hại không ngừng người, kia liền qua đời tức là phương tiện này. Nên lúc ấy nói là thành tựu nghiệp đạo rất ráo. Nếu sau đó, người kia mới qua đời thì gọi là thành tựu nghiệp đạo rất ráo.

Kết phạm khinh trọng, có ba: một là phương tiện căn bản tướng đối phân biệt, phương tiện thiếu duyên không thành cho nên nhẹ. Căn bản đủ duyên nghiệp buông lung cho nên nặng; hai là theo trong bản tùy cảnh nhẹ nặng, vì theo cảnh của phẩm thứ ba mà nghiệp có nhẹ



nặng; Ba là y cứ vào một cảnh, vì tùy tâm nhẹ nặng tùy khả năng khởi tâm mà có nhẹ nặng, thành nghiệp cũng giống như vậy, nhiễm hay không nhiễm đều phạm, tâm ngộ nhận thì khác, nghĩa ấy rất dễ hiểu. Sự giống nhau và khác nhau của học xứ là giới này Đại thừa hay Tiểu thừa đều cấm, đạo tục cũng giống nhau. Nhưng Đại thừa và Tiểu thừa không hoàn toàn giống nhau. Một là khác nhau về nhẹ nặng, Thanh văn chỉ có người là nặng, ngoài ra đều là nhẹ; Ba cảnh của Đại Sĩ đều nặng; Hai là khác nhau về khai giã: Thanh văn chỉ cấm chớ không khai, Đãi Sĩ có thể phương tiện khai vì lợi ích chúng sinh. Bồ-tát Địa chép: Nếu các Bồ-tát an trụ trong tịnh giới luật nghi của Bồ-tát, dùng phương tiện khéo léo để làm lợi ích cho người khác, nên đối với các tánh tội ít hiện hành. Do nhân duyên ấy mà đối với giới Bồ-tát không có sự trái phạm sinh ra nhiều công đức. Nghĩa là Bồ-tát thấy kẻ trộm cướp là tham của cải nên muốn giết nhiều chúng sinh, hoặc có người muốn giết Đại đức Thanh văn, Độc Giác, Bồ-tát, hoặc muốn gây ra nhiều nghiệp Vô gián, thấy việc ấy rồi phát tâm nghĩ rằng nếu ta cắt đứt mạng sống chúng sinh độc ác kia thì sẽ bị đọa vào địa ngục, còn nếu kẻ ác kia không chết thì nghiệp Vô gián thành tựu sẽ bị khổ dữ dội. Ta thà giết kẻ ác kia mà bị đọa vào địa ngục chớ không bao giờ để cho kẻ ấy chịu tội khổ Vô gián. Bồ-tát suy nghĩ ý lạc như thế, đối với chúng sinh kia hoặc dùng tâm lành, hoặc dùng tâm vô ký, biết việc này rồi, vì tương lai nên hết sức sinh tâm hổ thẹn, dùng tâm thương xót mà cắt đứt mạng nếu chúng sinh kia. Do nhân duyên ấy nên trong giới Bồ-tát không bị trái phạm mà còn sinh ra nhiều công đức. Như vua Tiên Dự giết 500 Bà-la-môn, chính là việc ấy. Chế tâm chế sắc cũng khác nhau, văn gồm có ba: Một là nêu người, tức là Phật tử, vì chưa thọ giới Bồ-tát nên không có chỗ chế này. Như giới Thanh văn lấy Tỳ-kheo làm ví dụ; hai là nói về việc phạm như nghiệp tự giết; ba là kết tên tội, đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát. Nói về việc phạm có ba: Một là nêu việc không nên chế, không được làm; hai là từ Bồ-tát trở xuống nêu chỗ cần dạy khiến cho thường làm; ba là tự buống lung, lại nêu không phải thành việc phạm. Đầu tiên ở trong phần không nên lại có ba, sáu câu đầu nói về việc phạm, bốn câu kế giải thích thành phạm, sau đó cho đến tất cả loài hữu tình có sinh mạng. Xưa phân biệt khinh so với trọng. Nay là kết phạm vi của phạm. Trong việc phạm đầu tiên có hai phần thay đổi. Phương tiện giết là như cây thế và thuốc độc, khen ngợi giết là do ta khen tặng người đối diện chết. Thấy giết mà tùy hỷ là do ta tùy hỷ người trước đã chết. Cho đến dùng búa chùy để giết, nghĩa là chùy Tỳ-Đà-la, v.v... do tụng chú này mà người đối

diện bị chết. Việc giết có nhiều cách, vì lược bớt nên nói cho đến, như đọa thai, đê bụng, sai người, trùng sử, v.v.... chẳng phải một thứ. Trong y cứ thành phạm nghiệp sát là trong ba nghiệp tùy theo một nghiệp mà thành việc sát. Cách thức giết nghĩa là dùng dao chém, hoặc là bắn tên, v.v... Nhân giết nghĩa là khởi tâm về nhân, v.v... Duyên giết là sự tương phương tiện dục lạc phiền não, như trên đã nói tùy việc thay đổi, còn nêu không nêu. Tự buông lung là đối với pháp Phật chế ra không quan tâm sợ sệt, buông lung ngu tình của mình tùy duyên tạo tác. Ưa thích sát sinh là bên trong không mê lầm, bên ngoài không có ngại, đã hiểu rõ tâm hạnh sát sinh. Kết tên tội Ba-la-di, đây gọi là rơi vào chỗ không như ý cũng gọi là tha thắng xứ. Người xuất gia vốn là hàng phục mắt tuệ, nhưng vì phạm giới đọa vào chỗ không như ý nên nói là rơi vào chỗ không như ý, mất tuệ hơn ta nên gọi là Tha thắng xứ.

Nếu Phật tử tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, ngại tặng người trộm cướp, thấy người trộm cướp tùy hỷ, cho đến dùng bùa chú trộm cướp: Nhân trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức trộm cướp, nghiệp trộm cướp, v.v.... tất cả tài vật có chủ dầu là của Quỷ thần hay của kẻ cướp, cho đến một cây kim, một ngọn cỏ đều không được trộm cướp. Là Bồ-tát lẽ ra phải thường có tâm từ bi, tâm hiếu thuận, thường giúp cho mọi người được phước được vui, mà trái lại trộm cướp tài vật của người, Phật tử này phạm “tội Ba-la-diết đê đạo đức của Bồ-tát”.

**THỨ HAI GIỚI TRỘM:** Chế ý thích danh: của cải là vật bên ngoài sinh mệnh, còn chờ giúp đỡ, tự dứt ngã của mình, đều phải yêu quý giữ gìn, Bạc Đại Sĩ vì lòng từ bi nên phải giúp cho mọi người được phước được vui, mà khắp xâm tổn vật của người khác thêm lớn tâm tham của mình, trái hạnh từ bi nên lần lượt chế, trộm còn có tên là không cho mà lấy, ăn cắp gọi là thâu, dùng quyền thế chiếm đoạt gọi là cướp, trộm chung cho cả hai (665) đủ duyên thành phạm. Việc không cho mà lấy, trong luận chép rằng: Vật thuộc của người khác. Có người y cứ theo luật chỉ lấy vật của người từ năm tiền trở lên mới phạm trọng, hoàn toàn không đúng. Văn chép rằng: Tất cả tài vật có chủ dầu là của Quỷ thần hay của kẻ cướp cho đến một cây kim một ngọn cỏ đều không được trộm cướp. Nên biết khác với Thanh văn. Tưởng là: vật của người nghĩ là vật của người, bốn câu tối, không tối y theo giới sát nên biết. Dục lạc là muốn trộm cướp, phiền não là trong ba loại hoặc là một hoặc là đủ. Phương tiện cứu cánh là khởi phương tiện dời khỏi chỗ cũ. Kết

phạm khinh trọng y theo giới sát nên biết. Học xứ đồng khác là cũng y theo giới sát. Bồ-tát Địa chép rằng: Lại như Bồ-tát thấy có vị Tể quan tăng thượng, cực kỳ bạo ác, chuyên nã hại hữu tình không có chút lòng thương xót. Bồ-tát thấy rồi nên suy nghĩ bỏ điều ác kia, khởi tâm thương xót, phát sinh lợi ích an vui, ý lạc, tùy theo khả năng có thể hoặc sa thải, hoặc cách chức những vị quan tăng thượng ấy. Do nhân duyên ấy mà không trái phạm giới Bồ-tát, sinh nhiều công đức. Lại như Bồ-tát thấy kẻ trộm cướp chiếm đoạt tài vật của người khác, hoặc vật của tăng-già, vật của tháp, lấy rồi chấp là của mình rồi tha hồ thọ dụng. Bồ-tát thấy vậy khởi tâm thương xót, làm cho kia phát sinh lợi ích an vui. Tùy theo khả năng mình bắt buộc phải trả lại, không cho thọ dụng. Lấy của cải phi nghĩa như thế nên phải chịu đê mê dài vô nghĩa vô lợi. Vì lý do chiếm đoạt của cải ấy nếu là của tăng-già thì trả lại cho tăng-già, vật của tháp phải trả lại cho tháp, vật của hữu tình phải trả lại cho hữu tình. Lại thấy các vị chủ hoặc chủ vườn rừng lấy vật của tăng-già, vật của tháp, nói là vật của mình nên lung lộng thọ dụng. Bồ-tát thấy rồi liền khởi lòng thương xót kẻ ác kia, không cho dựa vào nghiệp thọ dụng sai trái này mà phải chịu đê mê dài vô nghĩa vô lợi, tùy theo khả năng mình mà sa thải những vị chủ ấy. Bồ-tát ấy tuy không cho lấy nhưng chẳng nhưng không trái phạm, lại còn được nhiều công đức. Theo văn như ba phần trước, nói về việc phạm, trước phân biệt việc không nên phạm có bốn câu, thứ tư dùng bữa chú trộm thành phạm, bốn câu sau mới xếp vào. Về phương tiện phạm, như trong luật chép rằng: Tỳ-kheo nhân cúng dường nói với thí chủ rằng: người nhận sự cúng dường của ông là bậc A-la-hán... Nếu được cúng dường thì tội gồm cả hai việc, đó là nói dối để trộm. Chú trộm là tụng chú khiến cho vật của người tự đến chỗ mình. Không khen ngợi là không vì khen ngợi mà thành nghiệp của mình. Vật có chỉ là quỷ thần, nghĩa là vật trong miếu thần hoặc Quỷ thần chính là chủ, hoặc là chủ canh giữ. Vật của kẻ trộm cướp, vật của kẻ trộm cướp là mà quan đã tịch thu. Cũng có thể vật trộm cướp vốn là vật của ta nhưng nếu cướp đoạt mà có thì trở thành vật của kẻ trộm, vì vật vô định thuộc về ai tùy theo cách lấy mà thành chủ của nó.

Nếu Phật tử tự mình dâm dục, bảo người dâm dục với tất cả phụ nữ, các loài cái loài mái, cho đến Thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ, cũng phi đạo mà hành dâm. Là Bồ-tát lẽ ra phải có tâm hiếu thuận cứu giúp tất cả chúng sinh, dùng pháp thanh tịnh khuyên dạy người, lại không có tâm từ bi làm cho mọi người sinh việc dâm dục, không phân biệt súc sinh cho đến hành dâm với mẹ, con, chị, em trong sáu thân, Phật tử này

phạm “Tội Ba-la-diệt để đạo để của Bồ-tát”.

**GIỚI DÂM THỨ BA:** Giới dâm thứ ba, chia văn như trước. Chế ý thích danh, kinh chép rằng: Nếu không dứt trừ dâm dục còn chướng quả Phạm Thiên, huống là được quả Bồ-đề, nối nhau trôi buộc sinh tử không xa lìa được, chính là do đây, nên cấu khiến cho dứt trừ. Hoang sắc gọi là dâm cũng gọi là Phi phạm hạnh, các giới tuy đều phi phạm nhưng nhiệm ô này quá nặng cho nên nói riêng. Trong đủ duyên sự là ba cảnh đều trọng. Trong luật chỉ ba đường của người nữ, hai chỗ của người nam là cảnh trọng, chỗ khác thì không trọng. Nếu y theo văn Kinh thì hành dâm ở phi đạo. Nên biết Bồ-tát đối với phi đạo cũng là trọng. Lại luận Du-già chép rằng: Việc nghiệp đạo tà dục nghĩa là người nữ không nên hành. Nếu nên hành thì Phi chi Phi xứ, Phi thời, Phi lượng. Nếu không đúng lý thì tất cả nam và bất nam, nếu đối với mẹ, v.v... Sở hộ của mẹ, v.v.... gọi là không nên hành. Ngoài cửa sinh ra, đã có phần khác đều gọi là Phi chi. Nếu khi chất bản tiết ra, khi thai tròn đủ, trẻ uống sữa, lúc thọ trái giới, hoặc khi bị bệnh nghĩa là đã bị bệnh không nên tập dục, đó gọi là Phi thời. Nếu các chỗ tôn trọng đã nhóm họp, hoặc trong linh miếu, hoặc trước đại chúng hoặc vùng cao thấp không bằng phẳng làm cho không yên ổn, những chỗ như thế gọi là Phi xứ. Quá lượng mà thực hành gọi là phi lượng, vì không theo nghi thức thế tục nên gọi là Phi lý. Nếu tự hành dục, hoặc làm môi giới cùng người khác. Hai điều này đều thuộc về dục tà hạnh. Tưởng: là ở kia nghĩ là kia. Nếu theo văn luật thì đối với đạo nghĩ là đạo, đạo nghĩ và nghi là phi đạo, đều thành trọng. Dục lạc là muốn hành lạc. Phiền não là ba độc, hoặc đủ hay không đủ. Phương tiện rất rảo là hai bên đã giao hội. Kết phạm khinh trọng là tùy cảnh, tùy tâm, y theo phần trước rất dễ biết. Học xứ đồng khác là Đại thừa, Tiểu thừa cũng chế. Năm chúng xuất gia chánh tà đều cấm. Hai chúng tại gia chế tà khai chánh. Bồ-tát Địa chép: Lại như Bồ-tát tại gia thấy mẫu ấp hiện không hệ thuộc vào thói quen dâm dục, sau đó tâm Bồ-tát tìm kiếm phi phạm hạnh. Bồ-tát thấy rồi khởi lên ý nghĩ, không cho tâm sinh nhiều tức giận mà mất phước. Nếu theo ý muốn liền được tự tại, phương tiện ở yên khiến gieo trồng gốc lành. Cũng nên khiến cho họ bỏ nghiệp bất thiện, trụ thương xót, miễn hành phi phạm hạnh. Tuy quen pháp ược nhiệm như thế nhưng không có, phạm, sinh nhiều công đức. Bồ-tát xuất gia được che chở Thánh Thanh văn chỉ dạy khiến cho không hoại diệt, tất cả không nên hành Phi phạm hạnh. Trong văn chép tự mình dâm dục, xúi giục người dâm dục thì trong pháp Thanh văn tự

dâm dục thành trọng, xúi giục người dâm dục không thành trọng. Trong pháp Đại thừa mình và người đều trọng. Hành dâm Phi đạo trong pháp Thanh văn, hành dâm với người nữ ở ba chỗ, với người nam ở hai chỗ thì phạm tội trọng, hành dâm ở Phi đạo thì không phạm trọng. Trong Pháp Đại thừa, đạo và phi đạo đều phạm trọng. Nghiệp đạo dâm dục trong Du-già cũng nói như thế, xem văn khác rất dễ hiểu.

**GIỚI NÓI DỐI THỨ TƯ:** Nếu Phật tử tự mình nói dối, bảo người nói dối, Phương tiện vọng ngữ: nhân vọng ngữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Cho đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật tử lẽ ra phải thường chính ngữ chánh kiến, cũng làm cho tất cả chúng sinh có chính ngữ, chính kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp thì Phật tử này Phạm “tội Ba-la-di” của Bồ-tát. Đó là giới nói dối thứ tư.

Chế ý thích danh là làm cho mọi người kém hiểu biết, rất trái với đạo chân thật nên đặt ra giới này, trái với ý tưởng mà nói nên gọi là nói dối. Việc nếu là thật, như trái với nội tâm đều gọi là nói dối. Đủ duyên trong việc nghĩa là thấy, nghe, hay, biết, không thấy, không nghe, không hay, không biết. Nghĩ là đối với thấy.v.v... hoặc nghĩ ngược lại. Nghĩ ngược lại có hai việc: một là nghĩ việc không đều ngược lại, như việc không thấy khởi tưởng không thấy mà nói thấy; hai là tưởng việc không ngược lại, như việc không thấy, khởi tưởng thấy mà nói không thấy. Hai việc này đều thành nói dối. Dục lạc là che giấu tưởng lạc nói là dục. Phiền não là như trên, phương tiện rốt ráo là thời, chúng và người đối diện nhận hiểu thì kết phạm. Về khinh trọng, như tùy theo cảnh mà nói thì cảnh của ba phẩm đều trọng, hoặc là chỉ có phẩm thượng mới kết trọng, đối với cảnh ở phẩm hạ chỉ kết khinh cấu, tùy tâm (666) rất dễ hiểu. Nếu lại y theo luật thì chỉ ở pháp của bậc thượng nhân, phạm trọng làm cho vô phân biệt, lẽ ra phải chế chung. Học xứ đồng khác là Đại thừa Tiểu thừa đều chế, đạo tục cũng đồng. Lại trong pháp Đại thừa có thêm chỗ khai. Bồ-tát Địa chép: Lại như Bồ-tát vì giải thoát mạng nạn, nạn trói buộc lao tù, nạn chặt tay chân, nạn xẻo mũi, cắt tai, khoét mắt.v.v.. cho các hữu tình, tuy các Bồ-tát chính mình bị nạn cũng không dám nói dối, nhưng vì cứu thoát các hữu tình kia nên biết mà suy nghĩ chọn lựa cho nên nói dối. Tóm lại, Bồ-tát chỉ xem nghĩa lợi của hữu tình, tự mình chẳng những không có nghĩa lợi mà tâm còn không có ô lợi, chỉ vì nhiều ích cho các hữu tình. Tưởng chánh trị mà nói lời

khác, khi nói là ngôn ngữ, đối với giới Bồ-tát không có trái phạm sinh ra nhiều công đức, trong thích văn việc khác dễ hiểu. Về thân tâm nói dối: Thân nói dối nghĩa là từ thân nghiệp biểu thị làm cho người ta hiểu sai, mà thành nghiệp, đã thuộc về ngữ nghiệp nên gọi là nói dối.

**GIỚI BÁN RƯỢU THỨ NĂM:** Nếu Phật tử tự mình bán rượu, bảo người bán rượu: nhân bán rượu, duyên bán rượu, cách thức bán rượu, nghiệp bán rượu, tất cả rượu không được bán. Rượu là nhân duyên sinh ra tội lỗi, là Phật tử lẽ ra phải giúp cho tất cả chúng sinh có trí tuệ sáng suốt, mà lại đem sự mê say điên đảo đến cho tất cả chúng sinh. Phật tử này Phạm “tội Ba-la-diệt đê đạo đê của Bồ-tát”. Đây là giới bán rượu thứ năm.

Chế ý thích danh là: Rượu làm nhân duyên cho buồn lung, dật mất các Pháp lành. Như luận chép rằng: Ngoài việc Phá tăng, như khi say rượu thì tất cả Pháp nghịch khác đều có thể làm. Ba mươi sáu lỗi, mười thứ tai họa trong luật luận đều có nhắc nhở. Nếu chỉ tự mình uống lỗi còn nhẹ, chớ bán để cầu lợi thì tổn hại rất rộng. Nên tuy chẳng phải tánh ác nhưng cũng đồng chế là trọng. Cô là mua bán, vị nồng dễ say, tuy ngọt nhưng độc nên gọi là rượu. Đủ duyên nghĩa là thể rượu thành. Luận chép rằng: Tế-La-Nhã, Mê-Nghi-Tà, Vị Đà buồn lung, do ngũ cốc chế thành Tế-la-Nhã, quả khác chế thành Mê-Nghi-tà, phân biệt với chưa thành, đã hoại gọi là Vị-Đà.

Nghĩ: Luật chép: Rượu nghĩ là rượu, rượu nghĩ chẳng phải rượu, rượu tưởng chẳng phải rượu đều kết chính tội. Y theo luật kia chế, giới bán rượu này cũng phải như vậy. Lại theo luật thì nói uống ba câu đều phạm. Nếu nói theo bán thì tâm cảnh tương ưng mới có thể kết trọng. Dục lạc là tâm muốn đem rượu cầu lợi với người. Phiền não là trong ba tùy bất cứ một thứ nào hoặc là đủ hai, ba. Phương tiện rất ráo là khi trao cho người liền phạm, không cần phải người trước uống và không uống. Kế là đến đợi người đối diện uống mới phạm. Kết phạm nặng nhẹ, nói theo cảnh thì trong luật chép: mua bán với bà con phạm tội khinh, vì tâm cầu lợi với số lượng ít, nghĩa y theo việc mua bán rượu cũng phải như vậy. Nếu cùng người ở cảnh thượng, trung đều chế trọng. Nếu cảnh hạ phẩm, vì việc ít nên nhẹ. Bảy chúng đồng phạm, Đại thừa Tiểu thừa đều chế, nhưng nặng nhẹ có khác, bậc Đại Sĩ lỗi nặng. Thanh văn chỉ phạm giới mua bán, tức là phần thứ ba, giải thích văn rất dễ hiểu.

**GIỚI RAO LỖI CỦA BỐN CHÚNG THỨ SÁU:** Nếu Phật tử tự

miệng rao nói tội lỗi của Bồ-tát xuất gia, Bồ-tát tại gia, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hoặc bảo người rao nói những tội lỗi ấy: Nhân rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật tử khi nghe những kẻ ác, ngoại đạo và hàng Nhị thừa nói những điều phi pháp trái luật trong Phật pháp, thì thường phải có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác, ấy khiến cho họ xin tín tâm lành đối với Đại thừa, mà Phật tử lại tự mình rao nói tội lỗi trong Phật pháp. Phật tử này phạm “tội Ba-la-di của Bồ-tát”. Đây là giới thứ sáu: Rao lỗi của bốn chúng.

Chế ý thích danh là đồng pháp tương hộ, nghĩa đồng với anh em, mà lại hướng về đường khác phô trương lỗi thiếu sót của người khác, gần thì dim mất người tốt, xa thì tổn hoại chánh pháp, lỗi ấy rất nặng nên Phật chế giới để dứt trừ. Đáng xả bỏ, đáng nhàm chán, nên gọi là tội lỗi, biểu dương hướng khác nên gọi là thuyết. Nói đủ duyên nghĩa là người có giới đã có tội lỗi nói với người không có giới. Bảy tội nghịch, mười giới trọng là chánh chế, từ lỗi nhẹ khác cũng gồm chế. Tưởng là đối với tội lỗi nghĩ là tội lỗi. Dục lạc là mong vui nên muốn nói tội lỗi. Đây có hai: Một là dim mất tâm, muốn làm cho người đối diện mất danh lợi...; hai là trị phạt tâm, muốn làm cho người đối diện bị trói buộc, v.v... Dùng hai tâm này rao nói tội lỗi của người khác đều phạm trọng, phiền não đến bực nào. Phương tiện rất ráo là hoặc tự rao nói, hoặc bảo người khác rao nói. Khi người đối diện nhận hiểu liền thành rất ráo. Kết Phạm khinh trọng, y cứ theo đây rất dễ hiểu. Học xứ đồng khác là Thanh văn rao nói tội trọng của kẻ khác cho người chưa thọ giới cụ túc nghe, phạm thiên thứ ba. Nếu rao nói tội tăng tàng trở xuống đều phạm thiên thứ năm. Bồ-tát gồm làm cả việc cứu giúp làm hoài bảo nên chế tội trọng. Văn chỉ nói rằng rao nói lỗi, không phân biệt khinh trọng. Trở xuống là giới khinh, giới thứ 13 nói về bảy tội nghịch và mười giới trọng, y theo kia đây cũng nên như vậy. Nhưng kia nói đồng pháp nên nhẹ, ở đây nói pháp khác nên nặng. Lại nói rằng: kia nói vô sự nên nhẹ, nếu biết vô sự thì không thể dim mất. Hoặc trị phạt nên ở đây rao nói có phạm trọng thật, văn giải thích rất dễ hiểu.

**GIỚI THỨ BẢY TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI:** Nếu Phật tử tự khen mình chê người, cũng bảo người khác khen mình chê người: Nhân chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật tử lẽ ra phải thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sinh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật tử tự phô bày tài đức của mình mà dim che điều hay tốt

của người, làm cho người bị khinh chê. Bồ-tát này phạm “tội Ba-la-di của Bồ-tát”.

Chế ý thích danh: Bồ-tát lẽ ra phải nhường điều tốt cho người, nhận xấu về mình, mà nay trái lại tự phô trương, hủy nhục người, rất trái với bản tâm, nên thật chế để dứt trừ. Khen ngợi công đức của mình, chê bai lỗi người khác. Là chỗ phòng lỗi, từ chỗ phòng lỗi làm tên, nên nói rằng giới khen chê. Trong đủ duyên thành phạm, sự có hai việc: Một là chê người; hai là chê việc. Trong chê người nói rằng: Nếu chê hai cảnh phẩm thượng và trung thì phạm trọng, chê cảnh phẩm hạ phạm khinh. Giới này gồm chế, như hai cảnh ở phẩm thượng và trung có giới Bồ-tát thì mới trọng, vì phiền não ngăn trở sâu. Nếu không có giới cho đến cảnh phẩm hạ có giới hay không có giới đều phạm khinh, vì phiền não ngăn trở cạn. Sau này giải thích phải y theo luật. Luật dạy: chê bai bậc đại Tỳ-kheo mới kết tội, nên biết trong giới Đại thừa, chê Bồ-tát đồng pháp mới kết tội trọng. Nay là giới rao nói tội lỗi, nêu riêng bốn chúng. Giới chê người này nói chung là chê người, không có nêu riêng, y theo luật phân biệt, theo lý e rằng không đúng. Sự chê là y theo luật có bảy: Một là sinh trong dòng họ nổi tiếng; hai là hạnh nghiệp thấp hèn; ba là kỹ thuật khéo léo cũng thấp; bốn, ông là người phạm lỗi, năm là nặng về kiết sử; sáu là đồ đùi mù; bảy là hơi mù. Trong bảy việc này, dùng một việc để chê người đều phạm trọng. Tưởng là đối nghi không đối y theo văn trước giải thích. Dục lạc là phô trương tài đức của mình, khoe điều tốt của người, ý muốn cầu lợi cung kính. Phiền não là một trong ba độc, hoặc một, hoặc hai, hoặc đủ cả ba, nhưng thành rất ráo phải do tâm tham. Bồ-tát Địa chép: vì muốn tham cầu lợi dưỡng cung kính, nên tự khen mình chê người. Ấy gọi là pháp tha thắng xứ bậc nhất. Phương tiện rất ráo là hoặc tự làm, hoặc bảo người làm, khi người đối diện nhận hiểu lời khen chê liền kết phạm. Luật chép rằng: chê bai có ba: Một là mắng trước mặt; hai là thí dụ mắng; ba là tư so sánh (667) mắng. Mắng trước mặt: như nói ông là dòng họ Chiên-đà-la.v.v.. Dụ mắng như nói ông giống như chủng tộc Chiên-đà-la... Tư so sánh mắng là nói tội chẳng phải chủng tộc Chiên-đà-la... Ba cách mắng này nếu hiểu rõ đều phạm Ba-dật-đề, nếu không hiểu rõ phạm Đột-cát-la. Y theo Bồ-tát này hiểu rõ đều phạm trọng, không hiểu rõ đều phạm khinh. Lại phải có đủ khen chê mới kết trọng. Nếu chê mà không khen, khen mà không chê thì chỉ phạm khinh cấu. Hoặc trước khen sau chê, hoặc trước chê sau khen, đều làm cho tâm vận hành khen chê, đủ cả hai đều kết trọng. Nếu trước khen sau chê, khi khen phương tiện thì khinh,



khi chê thành gốc trọng, trước chê sau khen cũng như vậy. Như tám việc của Ni, mỗi việc khi làm, phương tiện phải hợp nhau, khi đủ tám việc mới kết tội Ba-la-di. Nếu chỉ muốn khen, hoặc chỉ muốn chê, tuy trước sau đủ hai nhưng đặc biệt chỉ kết hai tội khinh, không thành trọng. Như dứt bỏ tâm sở, lấy bốn tiền không thành trọng. Kết phạm khinh trọng là nếu nói theo cảnh thì nghiệp chê Thánh, chê Phạm, chê đạo, chê tục, chê người, chê súc sinh, tùy theo cảnh trước chẳng thể không có khinh trọng. Nếu nói theo tâm thì luôn luôn hiện hành, đều không hổ thẹn, rất sinh ưa thích thấy là công đức, ở phẩm thượng thì mất giới, không đủ bốn là phẩm trung và phẩm hạ, phạm mà không mất giới. Học xứ đồng khác, Thanh văn phạm Ba-dật-đề, Bồ-tát phạm Ba-la-di. Theo Kinh Thiện Sinh thì Bồ-tát tại gia không chế là trọng. Nếu theo kinh này không phân biệt nên bảy chúng đều phạm trọng. Trong văn, tự miệng khen mình chê người nghĩa là từ miệng phát ra lời khen đức của mình chê lỗi xấu của người, cũng bảo người tự khen mình chê người. Đây có hai: một là bảo người trước khen cái tự được của người kia chê lỗi xấu của người khác; hai là bảo người trước khen cái tự đắc của mình chê lỗi người khác, cả hai đều phạm chê nghiệp của người, đúng chỉ là khẩu nghiệp. Văn chép rằng: Tự khen mình chê người nên thân biểu hiện ý duyên, tướng khen chê ẩn nên không phạm tội trọng. Thường thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sinh: là Bồ-tát khởi tâm ngậm cấu bẩn như biển, chịu khổ nhục như đất. Nhưng Bồ-tát Địa chép: Không rửa sạch tiếng xấu phạm tội trọng, phòng ngừa người đối diện chê bai đắc tội, chẳng phải cho là Bồ-tát quá suy tôn người.

Hỏi: Bồ-tát tự mình không có việc xấu, người trước thật không có việc tốt, làm sao nhận việc xấu nhường cho người việc tốt được?

Đáp: Việc này có hai nghĩa: Một là người đối diện vô đạo khinh chê Bồ-tát, Bồ-tát khởi niệm như có người trúng tên, nếu không thì chẳng trúng, do có thân ta nên chúng sinh khởi ác, không có thân ta thì không do đâu mà khởi. Khởi ác là do ta, ác là tại ta, ấy là việc ác tự hưởng về mình. Lại nghĩ rằng: Do người đối diện chê ta nên ta được tu giới để phòng ngừa. Nếu không có người ấy thì phước lành của ta do duyên gì mà sinh, được sinh phước lành là do người ấy, phước lành ở người ấy, đó là cho người khác việc tốt; hai là kia xấu ta tốt là do cái thấy của ta thôi. Nếu nói theo thật lý thì mình và người đều đồng một thể. Bồ-tát phải theo thật lý chớ không theo vọng kiến, nên phải nhận cái xấu về mình, nhường cho người điều tốt. Làm cho người khác bị hủy nhục thì Phật tử phạm “tội Ba-la-di” của Bồ-tát. Kết tội danh ấy,

Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát an trụ trong tịnh giới luật nghi của Bồ-tát, đối với người khác có tâm ái nhiễm, tâm sân nhuế, tự khen mình chê người, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là nhiễm trái phạm. Không trái phạm là hoặc vì tội phục các ngoại đạo và các kẻ ác. Hoặc vì trụ trì thánh giáo của Như lai. Hoặc muốn phương tiện điều phục các kẻ ác kia. Hoặc muốn khiến cho những người chưa có lòng tin thanh tịnh phát sinh niềm tin thanh tịnh, người có tâm tịnh tín rồi càng thêm vững chắc.

### GIỚI THỨ TÁM: BỎN SẴN LẠI MẮNG ĐUỐI.

Nếu Phật tử tự mình bỏn sễn, bảo người bỏn sễn: Nhân bỏn sễn, duyên bỏn sễn, cách thức bỏn sễn, nghiệp bỏn sễn. Là Phật tử, khi thấy những người nghèo cùng đến cầu xin, thì phải cấp cho theo sự cần dùng của họ. Mà Phật tử có tâm giận ghét, cho đến không cho một chút, có người đến cầu học giáo pháp cũng chẳng nói một bài kệ, một câu, kinh lại còn xua đuổi quở mắng. Phật tử này phạm tội Ba-la-di” của Bồ-tát. Hạnh của Đại sĩ phải là không xin mà bố thí khiến cho đọa người xin hiện tiền bỏn sễn mà không cho, trái lại còn hủy nhục, vì trái với hóa đạo nên Phật đặt ra để dứt trừ. Trong Bồ-tát Địa chỉ chép rằng: không thí tài và pháp, không nói lời phỉ báng nên gọi là giới bỏn sễn không bố thí trí tuệ. Keo kiệt tài pháp gọi là San, mắng nhiếc người gọi là hủy, ngăn ngừa lỗi là giới. Việc trong đủ duyên nghĩa là chúng sinh bị hủy nhục và tài vật bị tiếc rẽ, trong cảnh phẩm thượng ngoài Phật và Bồ-tát, vẫn gọi là người nghèo cùng: Nên trong cảnh phẩm trung, nếu chẳng phải người nghèo cùng vì thử nên đến xin, không cho cũng không phạm. Cảnh phẩm hạ, xưa nói chẳng phải trọng, nay là người có hiểu biết chẳng phải súc sinh, theo lý cũng chẳng phải khinh. Về tài tiếc rẽ, pháp, vẫn chép rằng: Cho đến một tiền, một cây kim, một cọng cỏ, không nói một bài kệ một câu kinh cho người đến cầu học pháp. Tưởng là đối với hai cảnh trước gọi là cảnh mà tưởng. Dục lạc là ý lạc bỏn sễn không cho. Phiền não hoàn toàn là tiếc rẽ, ngay chỗ nghèo làm chính, ngoài ra đều thành giúp, hoặc đủ hay không đủ. Phương tiện rất ráo: là xưa nói người đối diện nhận hiểu là tướng bỏn sễn, lãnh nạp lời đánh mắng, tùy việc, tùy lời mà kết trọng. Nếu y theo Bồ-tát Địa thì hẳn người đối diện nhận hiểu là tướng bỏn sễn, chịu khổ đánh mắng mới kết trọng. Nếu quyết ý không cho còn nói lời keo kiệt, người xin kia hiểu hay không hiểu lẽ ra phải kết tội trọng. Nên vẫn kia chép: Nếu các Bồ-tát hiện có cửa cải, vì tánh tiếc của nên có người nghèo khổ, không nơi

nường tựa, đang tìm xin của cải đến trước Bồ-tát ấy, mà Bồ-tát không khởi tâm thương xót để tu tuệ xả, có người đến cầu pháp, nhưng vì có tánh sển pháp, nên tuy hiện có pháp mà không cấp thí, ấy gọi là pháp tha thắng xứ thứ hai. Nhưng kinh này chép rằng: “trái lai còn xua đuổi, quả mắng”, rõ ràng là có lỗi. Kết Phạm khinh trọng: nếu nói theo cảnh thì có người nghèo khổ là trọng, người không nghèo khổ thì phạm khinh. Nếu nói theo tâm thì tùy theo sự khen chê trên, xưa nói phải đủ hai việc mới kết phạm trọng, nghĩa là bản sển lại còn mắng đuổi. Nếu bản sển mà không mắng đuổi, mắng đuổi mà không bản sển, đều không phạm trọng. Học xứ đồng khác là Thanh văn chỉ có đệ tử mà không dạy pháp thì phạm Đột-cát-la, không cho của cải thì không chế phạm. Ni trong hai năm, không cho tài pháp thì phạm Ba-dật-đề, ngoài hai tuổi không cho phạm Đột-cát-la. Thêm mắng đuổi thì kết riêng, không phải là phạm trọng. Bồ-tát không phân biệt người thân Say sơ đến xin, nếu không cho đều phạm tội trọng, vì bản thể đều gồm vật nên bầy chúng đồng phạm. Theo Kinh Thiện Sinh thì đối với thế tục cũng không chế phạm trọng. Lại Kinh Quyết Định Tỳ-Ni chép rằng: Bồ-tát tại gia phải thực hành Nhị thí, một là pháp thí; hai là tài thí. Bồ-tát xuất gia phải hành bốn thí: Một là giấy; hai là mực; ba là viết, bốn là Pháp. Bồ-tát đắc nhãn thực hành ba thí: một là ngôi vua hai là vợ con; ba là đầu, mắt, da, xương. Bồ-tát đắc pháp nhãn phải từ Thập giải trở lên. Trong văn, xúi giục người bản sển cũng có hai: một là xúi người bản sển tài pháp; hai là xúi người tiếc tài pháp của mình. Nghiệp bản sển là ý nghiệp làm chính. Nếu hiện tướng miệng nói thì là thân miệng giúp thành. Cách thức bản sển: Tùy theo cách thức nói keo kiệt, hoặc mượn việc khác mà xua đuổi, hoặc ra oai mạ nhục mà đi. Duyên bản sển đủ năm việc như trên. Trong tài thí một cọng cỏ, trong pháp là một hạt bụi. Cái là nói thế lực cùng cực. Bốn lời là câu, bốn câu là một bài kệ, câu kệ không đủ là pháp ẩn. Nếu muốn nghe lời vô thường mà không nói thì lời vô thường này không thành câu. Bồ-tát Địa chép rằng: (668) Nếu các Bồ-tát an trụ trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, có đầy đủ của cải ăn uống, v.v... lại có tâm hiềm hận, buồn giận mà không cấp thí, ấy gọi là có phạm, có chỗ trái vượt, là phạm trái nhiễm. Nếu vì lười biếng, uể oải, buông lung không thể thí cho, thì không phạm trái nhiễm. Không trái phạm là hiện không thể thí tài vật, hoặc người kia xin vật không đúng pháp, vật không thích hợp, hoặc dùng phương tiện điều phục người kia, hoặc người đến xin không thích hợp với vua thì phải bảo vệ ý vua, hoặc giữ gìn Tăng chế mà không cho thì đều không phạm.

## GIỚI GIẬN HỒN KHÔNG NGƯỜI THỨ CHÍN

Nếu Phật tử tự mình giận, bảo người giận: Nhân giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Là Phật tử lẽ ra phải giúp cho tất cả chúng sinh được những gốc lành không gây gỗ; thường có tâm từ bi, tâm hiếu thuận mà đối với tất cả chúng sinh cho đến loài phi chúng sinh lại dùng lời ác độc mạ nhục, còn dùng tay, chân, dao, gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ, cho đến người kia dùng lời khéo léo sám hối, xin lỗi, nhưng vẫn không hết giận, Phật tử này phạm “tội Ba-la-di” của Bồ-tát.

Bồ-tát thường phải có tâm nhân ái che chở tất cả mà lại xâm tổn, không cho sám hối tạ tội, vì trái với lời sự giáo hóa nên Phật đặt ra để dứt trừ. Ngâm độc hại người là sân, kết hận không người là không chịu nhận sám hối tạ tội. Cũng từ chỗ phòng ngừa là tên của giới. Việc trong đủ duyên gọi là chúng sinh. Xưa nói cảnh ở phẩm thượng, trung thì phạm trọng, cảnh phẩm hạ thì phạm khinh. Nay, văn chép: Đối với tất cả chúng sinh cho đến loài phi chúng sinh, nên biết là kết chung. Nếu như vậy thì đối với cây, đá..., sân cũng phải kết trọng.

Đáp: không đúng. Ở dưới chép rằng: Người kia khéo léo sám hối, xin lỗi, nên biết không chung với cây, đá. Nếu như vậy tại sao nói đối với loài phi chúng sinh, nay gọi bậc Thánh là phi chúng sinh, vì thọ sinh ở Phi xứ nên gọi là phi chúng sinh. Ở chỗ không nên tức giận mà tức giận, thì chẳng bằng người phạm, nên đặc biệt nói là cho đến. Tưởng là ở chỗ chúng sinh tức giận xứng cảnh mà tưởng. Dục lạc là ý vui muốn kết oán khôn người. Phiền não lấy sân làm chính, ngoài ra đều giúp thành. Phương tiện rất ráo, xưa nói rằng: Người kia nhận hiểu người này không chịu, bị thân miệng đánh mắng kết tội trọng, tùy thân nghiệp và khẩu nghiệp nhiều hay ít mà kết tội. Nay thì dù người kia nhận hiểu hay không, nếu quyết chí kết oán không nhận sự sám hối tạ tội thì kết trọng, cho nên biết như vậy là vì Sân tức là nghiệp đạo sân nhuế, mắng chửi là nghiệp đạo thô ác. Hai nghiệp đạo này không lấy nhận hiểu làm rất ráo. Quyết Trạch chép rằng: lời thô ác rất ráo nghĩa là mắng chửi người, nghiệp sân nhuế rất ráo là tâm mong tổn hại quyết định... Cho nên biết không đợi người đối diện nhận hiểu. Lại Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát nuôi lớn hạt giống tức giận trói buộc như thế, do nhân duyên ấy không chỉ phát khởi lời thô ác thường sinh ra, mà vì tức giận che lấp nên lại dùng tay chân, sắt đá, dao, gậy đánh đập làm hại tổn não loài hữu tình. Nội tình dữ dội, ý lạc phần hận, có sự trái phạm, người khác đến can ngăn tạ tội, không chịu dần xuống, kết oán không người, ấy gọi là pháp Tha thắng xứ thứ ba. Kết phạm khinh trọng là tức giận không

chịu sám hối có hai: Một là có người đến bảo người phạm lỗi kia trở lại sám hối tạ lỗi, mà tức giận không nhận lời xin lỗi của người kia. Đây chỉ phạm tội nhẹ. Kia cũng coi phục mà đến, đây lại tức giận ép ngặt trái với lòng từ; hai là Bồ-tát bảo người kia trở lại sám hối tạ lỗi, mà kết oán không nhận thì phạm trọng. Học xứ đồng khác là vì bản thể của Bồ-tát dẫn nhiếp, nên sân ép ngặt thì phạm trọng. Thanh văn tự giữ gìn không kỳ hạn, không nhận sự sám hối, tạ lỗi của người chỉ phạm Đột-cát-là. Theo Kinh Thiện Sinh thì Bồ-tát tại gia không chế trọng, kinh này chế chung cho xuất gia, tại gia. Trong văn chép: Cho đến đối với loài phi chúng sinh: nếu chẳng có tình thức gọi là phi chúng sinh ấy là lời phòng ngừa. Như bậc Thánh chẳng phải là chúng sinh, thường sinh tử nên gọi là phi chúng sinh, đó là lời để phòng ngừa. Đem lời ác mạ nhục là khẩu nghiệp tổn não, lại còn dùng tay, chân, dao gậy đánh đập là dùng thân nghiệp tổn não, mà vẫn chưa hả dạ là lòng tức giận không nguôi. Người kia dùng lời khéo léo sám hối xin lỗi nghĩa là được người xâm hại trở lại xin lỗi sám hối mà vẫn còn tức giận không bỏ là không nhận, không hẳn là kết oán không nguôi. Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát an trụ trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát mà đối với loài hữu tình khác có sự xâm phạm, hoặc tự mình không bị người kia nghi ngờ xâm phạm. Do tâm ganh ghét ngã mạn, không như lý tạ lỗi thì sinh khinh xả, ấy gọi là phạm, có trái vượt là nhiễm trái phạm. Nếu do lười biếng, uể oải, buồn lung không xin lỗi nên sinh ra khinh xả, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt, chẳng nhiễm trái phạm. Không trái phạm là nếu muốn tìm cách điều phục người phạm lỗi kia cho ra khỏi chỗ bất thiện, an lập chỗ thiện. Hoặc là ngoại đạo, hoặc là kia hy vọng. Hoặc vì hiện hành phi pháp có tội mà nhận sự sám hối, tạ lỗi. Hoặc hữu tình kia có tánh thích đấu tranh, nhân sám hối tạ tội, càng thêm sân hận bội phần. Hoặc lại biết người kia có tánh kham nhẫn, thể không hiềm hận. Hoặc biết người khác vì tạ lỗi phạm rất sinh tâm hổ thẹn mà không sám hối tạ tội thì đều không phạm. Nếu các Bồ-tát an trụ trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, ở chỗ khác xâm phạm người kia lại như pháp bình đẳng sám hối tạ lỗi, có tâm hiềm hận muốn làm tổn não người kia mà không nhận sự xin lỗi của họ, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt. Tuy đối với người kia không có tâm hiềm hận, không muốn tổn não, nhưng vì bầm tánh không thể nhẫn nhịn nên không nhận sự sám hối, cũng cho là phạm, có sự trái vượt, là nhiễm ô trái phạm. Không trái phạm là nếu muốn tìm cách điều phục người có lỗi kia, hoặc không đúng pháp không bình đẳng sám hối, không nhận sự sám hối của người kia, cũng không trái phạm. Nếu các

Bồ-tát an trụ trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, đối với người có tâm tức giận nổi nhau bên chí, sinh rồi không bỏ, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt, là ô nhiễm trái phạm. Không trái phạm là vì đoán người kia sinh khởi dục lạc, nói rộng như trước.

### GIỚI THỨ MƯỜI: HỦY BÁNG TAM BẢO

Nếu Phật tử, tự mình hủy báng Tam bảo, xúi giục người hủy báng Tam bảo: Nhân hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử nghe một lời hủy báng Tam bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây mâu nhọn đâm vào tim mình, hướng chỉ tự miệng mình hủy báng! Không hề có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam bảo, lại giúp đỡ cho người ác, người tà kiến hủy báng, Phật tử này phạm tội Ba-la-di của Bồ-tát. Địa luận chỉ chép rằng: hủy báng Bồ-tát tạng, pháp hủy báng trong Tam bảo, lợi nghiêng nặng. Thắng cảnh tín tâm ban đầu đối với Tam bảo Phật, Pháp, Tăng trở về cực địa cuối cùng, theo lý phải đón nhận thuận theo vâng giữ mà lại sinh tâm phỉ báng, lỗi ấy chẳng phải nhẹ, nên chế để dứt trừ. Lời nói và tâm nghĩ trái với Tam bảo nên gọi là phỉ báng, cũng từ chỗ phòng ngừa là tên của giới. Trong việc đủ duyên thành phạm có hai: Một là chỗ sự đối cảnh, nghĩa là hai cảnh trong phẩm thượng và phẩm trung. Nếu kết tội trong phẩm hạ thì nhẹ, nay nói nếu đối với người hiểu biết thì tội cũng phải nặng; hai là việc trong cảnh phỉ báng, tức là Tam bảo. Trong môn nghiệp đạo nói chung có nghĩa là báu. Nay vì chọn lấy cảnh tốt đẹp nên chỉ nói là Tam bảo. Về tướng, luận chép rằng: Đối với tướng hữu, phi hữu. Đây là cảnh phỉ báng phân biệt tướng ấy. Dục lạc là ý lạc, ái dụ muốn phỉ báng Tam bảo như vậy. Phiền não là lấy si làm chính, hoặc đầy đủ hoặc chỉ một. Phương tiện rất ráo là: xưa nói người kia lãnh hội được lời nói không dính dáng, tùy theo thái độ trong lời nói mà kết trọng. Trong Quyết Trạch Nghiệp Đạo chép: rất ráo là quyết định phỉ báng. Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát (669) phỉ báng tạng Bồ-tát, ưa thích giảng nói chỉ bày xây dựng tương Pháp giống như chánh pháp, đối với tượng pháp, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc tùy theo người khác mà chuyển, ấy gọi là pháp Tha thắng xứ thứ tư. Kết phạm khinh trọng là nói về tà kiến có hai loại: Một là tổn giảm tà kiến, bác bỏ việc thật có; hai là tăng trưởng tà kiến, lập việc thật vô. Tổn giảm có hai: một là toàn phần, bác chung tất cả pháp nhân quả; hai là một phần, hoặc chấp pháp ngoài, phỉ báng pháp trong. Hoặc chấp Tiểu thừa, phỉ báng Đại thừa, chẳng bác tất cả đều không có. Tà kiến toàn phần nếu khởi lên liền

mất giới. Bact toàn bộ nhân quả liền lui sụt tâm Bồ-đề, nên nếu buông lời phỉ báng thì chỉ bị tánh tội, không có giới để phạm thì không gọi là phạm giới. Lúc này tuy mất giới nhưng chưa dứt mất gốc lành vì chưa đến phẩm tăng thượng, chỉ gọi là lui bỏ tâm Bồ-đề. Trong một phần tà kiến, nếu vì chấp pháp ngoài, phỉ báng pháp trong thì lui sụt tâm Bồ-đề, liền mất giới lành. Nếu chưa lui sụt tâm liền phạm báng trọng. Nếu tâm phỉ báng này đến phẩm tăng thượng, nhưng không lui sụt tâm cũng mất giới lành, tức là triển tăng thượng phạm trọng xả giới. Nếu khi chấp Tiểu thừa phỉ báng Đại thừa, lui sụt tâm Bồ-đề cũng liền xả giới. Nếu không lui sụt tâm Đại thừa thì phạm khinh trong giới thứ tám.

Văn kia chép rằng: Tâm trái với Đại thừa, thường ở trong kinh, luật nói chẳng phải lời của Phật, mà thọ trì giới kinh của hàng Thanh văn Nhị thừa nên lại thêm tà kiến. Lập thật vô sự, trong Địa luận chép rằng: ưa thích giảng nói chỉ bày xây dựng tượng pháp giống như chánh pháp. Tượng pháp giống như chánh pháp là năm pháp, v.v.. vì tượng trạng giống như chánh pháp mà chẳng phải chánh pháp. Nếu phỉ báng chánh pháp mà ưa thích tự pháp thì phạm tội khinh, trong giới thứ 24, giới ấy chép rằng: Có kinh luật Phật, pháp Đại thừa mà không chịu siêng học siêng tu, bỏ bảy cửa báu, lại học các sách luận tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục. Số xưa nói nghĩa tà kiến có bốn; một là tà kiến phẩm thượng; hai là tà kiến phẩm trung; ba là tà kiến phẩm hạ; bốn là tà kiến tạp nhập. Tà kiến phẩm thượng nghĩa là bact tất cả nhân quả đều không, tức cùng thuyết trên hoàn toàn đồng với tà kiến, tự có hai loại; một là pháp tướng, nghĩa là trong tâm quyết định khởi tưởng không có nhân quả, giới lành liền mất. Như tà kiến phẩm hạ thành phẩm thượng thì thiện liền dứt. Sau buông lời phỉ báng, không có giới để phạm chỉ bị tánh tội; hai là phi pháp tướng, nghĩa là trong tâm khởi tưởng có nhân quả, chỉ nói trong miệng không giới không lỗi. Nên tùy theo lời nói mà phạm trọng, phạm rồi thì mất giới, việc nói như trước. Nay nói nếu trong lòng khởi tưởng có nhân quả. Đây là cái thấy bất hoại, đâu gọi là tà kiến, không chính đáng. Lại khởi tưởng phi pháp phỉ báng thì như pháp Tăng là lời luống dối hoàn toàn gọi là tà kiến phỉ báng. Nên biết chẳng phải nói dối, đối với trong tà kiến thì chẳng nói không có nhân quả, nhưng nói. Tam bảo không bằng ngoại đạo. Đây tức là đồng với chấp pháp, ngoài phỉ báng pháp trong, một phần tà kiến ở trên, việc ấy cũng có hai. Nếu khởi pháp tướng liền mất giới lành, phi pháp tướng thì tùy theo lời nói mà phạm trọng, bị nạn như trước. Tà kiến phẩm hạ, chẳng nói Tam bảo không bằng ngoại đạo nhưng chấp Tiểu thừa, phỉ

báng Đại thừa, như các bộ Tiểu thừa phỉ báng rằng Đại thừa chẳng phải Phật nói. Ở đây cũng có hai. Nếu khởi pháp tướng kế hoạch chưa thành thì phạm tội khinh trọng giới thứ 8. Kế hoạch nếu thành thì mất giới lành. Khi chấp Tiểu thừa thù thắng hơn Đại thừa liền lui mất tâm Bồ-đề. Ở đây nói chấp Tiểu thừa hơn Đại thừa chưa hẳn liền lui sụt tâm Đại thừa. Nghĩa là nếu có người tin tiểu thừa, ngồi dưới gốc cây thành Phật, không tin Đại thừa thành Chánh giác mà không muốn chứng bốn quả vị của Nhị thừa thì đâu thể gọi là lui sụt Bồ-đề; hai là thuyết phi pháp tướng, tùy theo lời nói mà phạm trọng. Nay nói đã biết Đại thừa hơn tiểu thừa mà miệng nói kém thì, đâu gọi là tà kiến. Phỉ báng tạp tà kiến lại có bốn; một là thiên chấp, nghĩa là chấp Đại thừa, phỉ báng Tiểu thừa, hoặc chấp nghiêng về một bộ; hai là tạp tín, tuy không trái chánh pháp của Phật nhưng nói sở thuyết của ngoại đạo cũng có đạo lý. Lại nói quỷ thần cũng có hai năng lực. Như nói ba tông: Nho, Đạo, Phật đều tinh vi; ba là tạm nghĩ Tiểu thừa, là muốn tạm nương theo đạo Tiểu thừa để dứt hoặc. Sau đó lại tu hạnh Đại thừa; bốn là suy nghĩ nghĩa sai lầm, nghĩa là theo sự chấp nghĩa của Thanh văn khởi lên năm lỗi, v.v... Bốn tạp kiến này chưa hẳn là Phạm trọng, theo sở ứng của họ mà phạm nhẹ. Phân biệt về tội khinh trọng: nói học xứ đồng khác là Tiểu thừa phỉ báng pháp không chế là trọng. Như nói muốn không chướng ác tà kiến là nếu khởi kiến chỉ phạm Đột-cát-la, khi trái, ba lần can ngăn mới phạm Ba-dật-đề. Như phá Tăng, năm tà, v.v.... nếu khởi pháp tướng chỉ phạm đầu-lan-giá. Chẳng phải tội nghịch, nếu tướng phi pháp, phạm tội nghịch và đầu-lan-giá. Nay trong Đại thừa nếu phỉ báng Tam bảo và tạt Bồ-tát vì lỗi trái nghịch sâu nên chế phạm trọng. Theo Kinh Thiện Sinh, đối với Bồ-tát tại gia cũng không chế trọng, nay trong kinh này chế chung cho bảy chúng. Ngoại đạo trong văn nghĩa là thực hành đạo khác ngoài Phật pháp. Kẻ ác là khởi ác kiến trong Phật pháp, thương xót họ khởi ác sẽ bị rơi vào hầm điên cuồng không đáy, tổn thương chánh pháp, bị giảm thiểu hạnh trong tâm người tu hành. Nên nghe một lời phỉ báng, còn đau lòng như ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình. Kiến là nghe thấy. Văn còn lại để hiểu, giới pháp Phỉ báng này không có khai duyên. Phần trên đã giải thích riêng mười giới trọng xong. Nay các Phật tử! Khư trên là mười giới trọng của Bồ-tát, các Phật tử cần phải học.

Trong mười giới đó không nên trái phạm một giới nào cả, dù một mảy nhỏ như hạt bụi, huống chi phạm đủ cả mười giới ư! Nếu người nào trái phạm thì người ấy hiện đời không phát được tâm Bồ-đề, rồi



cũng mất ngôi Quốc vương, ngôi vua chuyển Luân, giai vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni; cũng mất những quả “Thập Phát thú”, “Thập trưởng dưỡng”, “Thập Kim cương”, “Thập Địa”, tất cả diệu quả Phật tính thường trụ đều mất, đọa trong ba đường ác, trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe danh từ cha mẹ và Tam bảo. Vì thế cho nên không được phạm một giới nào cả.

Kế đến, trong tổng kết lại có ba; một là đối người tổng kết; hai là khuyên răn khiến cho không phạm, phải ở Phẩm trung hạ ấy; ba là khuyến học chỉ bày rộng. Trong khuyên răn lại có ba; một là nêu tình hình vi tế, khuyên răn nhiều; hai là hiển bày lỗi lầm khiến cho nhàm chán; ba là nêu quả báo khiến cho sợ hãi. Trong nêu để so sánh không nên trái phạm một giới nào cả dù, một mảy nhỏ như hạt bụi. Đối với mỗi giới không nên phạm một mảy nhỏ như hạt bụi: mới khởi tâm phạm không đến thân, miệng. Lỗi này nhỏ nhẹ nên dụ như cát bụi, nhưng lỗi này tuy nhỏ mà chứa nhóm lâu ngày sẽ thành lỗi lớn, nên không thể xem thường. Như kệ bài trong kinh chép: chớ khinh lỗi nhỏ, cho là vô hại, giọt nước dù nhỏ nhưng dần đầy la to, hướng chi là phạm đủ cả mười giới! Lỗi nhỏ còn không nên phạm, tội trong theo lý không còn nói gì được. Đủ năm duyên thành mười căn bản nên nói là phạm đủ mười giới. Trong bảy lỗi là hiện đời không phát được tâm Bồ-đề, ng-hĩa là mất hạnh phát tâm căn bản. Vì phạm trọng chướng căn bản đã trói buộc. Ở trong hiện đời không còn phát được tâm Bồ-đề, cũng mất ngôi Quốc vương, v.v.... nghĩa là mất chỗ nương tựa dẫn tới sinh ra tăng thượng. Đã mất nhân cao quý, mà quả báo mầu nhiệm cũng mất. Cũng mất giai vị Tỳ-kheo v.v... là mất hạt giống cao quý, không còn xứng đáng bước vào số hai chúng. Ba chúng dưới cũng tùy theo loại mà xếp vào. Mất quả Thập Phát thú, v.v... là mất pháp cao quý, pháp nhân quả cao quý đều lui mất. Trong nêu quả báo khiến sợ hãi, tất cả đều mất và bị đọa vào ba đường ác là phạm mười giới trọng, tất cả đều với lấy quả báo trong ba đường ác. Hai kiếp, ba kiếp không nghe được danh tự cha mẹ và Tam bảo, một khi mất thân người thì muôn kiếp khó được lại, danh tự cao quý này do đâu mà được nghe. Tiểu thừa nói, năm tội ng-hịch không hơn quả một kiếp. Đại thừa nói phạm mười giới trọng cũng với lấy quả báo nhiều kiếp. Lý quyền thật đâu thể không dè dặt (670) cẩn thận ư! Tất cả Bồ-tát, các ngài đã học, sẽ học và hiện nay học, hết lòng kính trọng vâng giữ. Tám vạn oai nghi sẽ rộng nói sau. Đức Phật dạy các Bồ-tát mười giới trọng xong, bốn mươi tám giới khinh nay sẽ nói, các ngài khuyến khích thọ trì, chỉ bày rộng như văn.